CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT (CNT GROUP)
Địa chỉ: 9-19 (lầu 2) Hồ Tùng Mậu, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP HCM
Điện thoại: 028.3829 5488 – 028 3821 3189 – 028 3829 5604
Website: cnt.com.vn **Email:** cnt@cnt.com.vn

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Thời gian: Thứ Ba, ngày 23/04/2024 (từ 8h00 đến 12h30)

Địa điểm: Bảo Tàng Hồ Chí Minh – chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 01 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG	THỰC HIỆN
PHẦN I: ĐÓN KHÁCH			
1	08h00-08h30	- Đón tiếp đại biểu, khách mời, cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông, thống kế số lượng cổ đông tham dự - Phát tài liệu và thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử.	Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
PHẦN II: THỦ TỤC KHAI MẠC			
2	08h30-08h50	- Chào cờ - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự đại hội	MC cuộc họp
3		- Tuyên bố lý do khai mạc và giới thiệu đại biểu tham dự. - Giới thiệu Chủ tọa và đoàn Chủ tọa Đại hội - Bầu Ban thư ký; Ban kiểm phiếu	
4		- Thông qua nội dung chương trình Đại hội - Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội	Trưởng ban kiểm phiếu
PHẦN III: NỘI DUNG ĐẠI HỘI			
5	08h50-09h00	Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT năm 2023	Ông Phạm Quốc Khánh – CT.HĐQT
6	09h00-09h05	Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.	Ông Nguyễn Sơn Nam - TGĐ
7	09h05-09h10	Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán	Ông Nguyễn Tiến Dũng - KTT
8	09h10-09h15	Báo cáo của Ủy ban kiểm toán tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023	Ông Lý Chí Tùng - CT. UBKT

9	09h15-09h20	Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2023 và KH chi trả thù lao năm 2024	Ông Lý Chí Tùng - CT. UBKT
10	09h20-09h25	Tờ trình Phê duyệt mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2023 và kế hoạch trả cổ tức năm tài chính 2024.	Ông Nguyễn Tiến Dũng - KTT
11	09h25-09h30	Tờ trình về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	Ông Nguyễn Tiến Dũng - KTT
12	09h30-09h35	Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2024	Ông Lý Chí Tùng - CT. UBKT
13	09h35-09h40	Tờ trình phương án chuyển nhượng vốn tại công ty liên kết.	Ông Trần Công Quý – PCT. HĐQT
14	09h40-09h45	Tờ trình tiếp tục thực hiện việc chuyển niêm yết cổ phiếu Công ty từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)	Ông Trần Công Quý – PCT. HĐQT
15	09h45-09h50	Tờ trình thông qua sửa đổi một số ngành nghề kinh doanh.	Ông Trần Công Quý – PCT. HĐQT
16	09h55-10h05	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ Công ty.	Ông Trần Công Quý – PCT. HĐQT
17	10h05-10h15	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Ông Trần Công Quý – PCT. HĐQT
18	10h15-10h25	Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	Ông Trần Công Quý – PCT. HĐQT
19	10h35-10h30	Tờ trình thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT	Ông Phạm Quốc Khánh – CT. HĐQT
PHẦN IV: NGHỊ LUẬN VÀ BIỂU QUYẾT			
20	10h30-11h00	Đại hội tiến hành thảo luận các nội dung họp	Đoàn chủ tọa
21	11h00-11h05	Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung tại cuộc họp	Đại diện Ban kiểm phiếu
22	11h05-11h25	Giờ nghỉ giải lao. Ban kiểm phiếu làm việc.	Ban kiểm phiếu
23	11h25-	Ban kiểm phiếu đọc kết quả biểu quyết thông qua các	Trưởng ban kiểm

	11h30	nội dung Đại hội.	phiếu
24	11h30-11h35	Tờ trình về danh sách ứng viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.	Ông Phạm Quốc Khánh – CT.HĐQT
25	11h35-11h40	Thông qua dự thảo quy chế bầu cử tại Đại hội.	Trưởng ban kiểm phiếu
26	11h40-12h00	Ban kiểm phiếu làm việc.	Ban kiểm phiếu
27	12h00-12h05	Công bố kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT độc lập công ty nhiệm kỳ 2021-2026	Trưởng ban kiểm phiếu
28	12h05-12h10	Trao hoa cho thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu.	Ông Phạm Quốc Khánh – CT.HĐQT
PHẦN IV: KẾT LUẬN			
29	12h10-12h20	Thông qua dự thảo Nghị quyết tại Đại hội	Bà Cao Thị Lê Na – Thư ký ĐH
30	12h20-12h30	Chủ tọa kết luận cuộc họp	Ông Phạm Quốc Khánh CT.HĐQT
31	12h30	Bế mạc Đại hội	MC cuộc họp

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CNT GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/BC-HĐQT

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính thưa Quý cổ đông,

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT (CNT Group), tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động Hội đồng quản trị trong năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 với các nội dung như sau:

Về tình hình chung, trong năm 2023, nhiều nền kinh tế lớn tăng trưởng chậm lại, tiềm ẩn nhiều rủi ro như nợ công gia tăng, các vấn đề từ xung đột tại nhiều khu vực trên thế giới. Tình hình kinh tế và tài chính trong nước khởi đầu với nhiều khó khăn chuyển tiếp từ năm 2022, tác động các yếu tố cụ thể như mặt bằng lãi suất tăng nhanh trong 2 tháng cuối năm 2022 và lập đỉnh vào đầu tháng 2 năm 2023, thị trường trái phiếu bị tác động nặng nề với các diễn biến xấu trên thị trường tài chính trong nước từ các vụ việc tiêu cực. Các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp bất động sản, xây dựng, điện năng lượng tái tạo gặp khó khăn về dòng tiền, buộc phải cắt giảm công suất/lao động. Hiệu suất kinh doanh thấp dần theo các năm, khả năng doanh nghiệp trụ lại thị trường ngày càng giảm sút. Do vậy, Chính phủ đã thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho thị trường và hướng dẫn triển khai thực hiện các dự án bất động sản cho các doanh nghiệp, địa phương. Mặc dù vậy, đánh giá chung, năm 2023 là năm đặt biệt khó khăn và ẩn chứa nhiều thách thức đối với hoạt động của các doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp bất động sản.

Đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT, ngoài những tác động, ảnh hưởng chung của thị trường, năm 2023 được nhận định là một năm nhiều thử thách. Công ty bước vào đợt tái cơ cấu điều chỉnh về chính sách và nhân sự, hiệu chỉnh phương án phát triển Công ty theo tình hình thực tế, đồng thời tiếp tục duy trì tình hình SXKD Công ty ổn định, an toàn trong bối cảnh thị trường bất động sản vẫn đang ở giai đoạn khó khăn. Hoạt động của HĐQT trong năm qua đạt được những kết quả như sau:

PHẦN A: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

I. Về cơ cấu nhân sự HĐQT trong năm 2023:

Hiện nay, HĐQT Công ty bao gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) Chủ tịch HĐQT, 01 (một) Phó Chủ tịch HĐQT, 01 (một) TV HĐQT độc lập. Các thành viên HĐQT có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, quản trị điều hành các lĩnh vực hoạt động chính của CNT Group, được tổ chức hoạt động hiệu quả theo Quy chế hoạt động của HĐQT và bảng phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT, đáp ứng tốt hoạt động lãnh đạo, quản trị điều hành các hoạt động của Công ty.

II. Đánh giá về kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2023

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

Kết thúc năm tài chính 2023, hoạt động kinh doanh của Công ty (theo dữ liệu BCTC kiểm toán hợp nhất ghi nhận) kết quả như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH/KH
1	Giá trị doanh thu thuần	358	364	103%
2	Lợi nhuận trước thuế	184	253	137,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	152	214	141%

Để đạt được kết quả trên, HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán, Ban điều hành để đưa ra định hướng, chiến lược và kế hoạch kinh doanh cụ thể, xây dựng các phương án kinh doanh phù hợp cho từng kịch bản của thị trường, giám sát công tác tổ chức và hoạt động hằng ngày của Công ty. Qua đó, Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch về lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông giao phó, đồng thời ghi nhận sự cải thiện rõ rệt về hiệu quả hoạt động.

2. Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC trong năm 2023

Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2023, HĐQT đã lựa chọn đơn vị kiểm toán trong danh sách được Bộ tài chính chấp thuận là Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 cho Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT (CNT Group).

Kết quả: Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC đã hoàn tất việc soát xét BCTC riêng và hợp nhất 06 tháng đầu năm 2023 và năm 2023 cho CNT Group.

3. Báo cáo về việc chi trả thù lao HĐQT năm 2023

Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2023, kế hoạch chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2023 căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và được tính bằng 01% (một phần trăm) tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

Căn cứ theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, lợi nhuận trước thuế của CNT Group ghi nhận 253.134.862.117 đồng, lợi nhuận sau thuế là 214.061.598.819 đồng. Theo đó, nguồn ngân sách để chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị trong năm 2023 (bằng 01%) là 2.140.615.988 đồng.

Kết quả thực hiện trong năm 2023, thù lao chi trả cho HĐQT là 795.600.000 đồng. *(Xem chi tiết tại Tờ trình v/v chi trả thù lao HĐQT năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT năm 2024).*

4. Báo cáo về phương án chi trả cổ tức năm 2022.

Trong năm 2023, Công ty không chi trả cổ tức, theo đúng nội dung đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông. Công ty cũng không thực hiện tạm ứng cổ tức cho cổ đông trong năm 2023.

5. Báo cáo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều lệ Công ty.

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2023 và Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/08/2023 được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty đã hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo các nội dung được thông qua, cụ thể như sau:

STT	Điều khoản	Điều lệ cũ	Điều lệ sửa đổi	Lý do
1	Khoản 4 Điều 28	a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;	a. Thành lập hoặc giải thể các chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;	Cập nhật cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty
		b. Thành lập các công ty con của Công ty;	b. Thành lập hoặc giải thể các công ty con của Công ty;	
2	Khoản 3 Điều 2	Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: 9-19 (Lầu 6) Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ trụ sở chính: 9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở chính

Điều lệ mới nhất của Công ty được ban hành vào ngày 28/08/2023.

6. Báo cáo về việc chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2023, nhằm mục đích nâng cao vị thế mới của Công ty, quảng bá hình ảnh, thương hiệu, tạo uy tín và cơ hội thu hút các nguồn vốn đầu tư mới, mang lại lợi ích cho cổ đông của Công ty; và nhằm tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu CNT, phương án chuyển đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty từ UPCOM (do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) quản lý) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Về kết quả thực hiện: năm 2023, trong bối cảnh môi trường vĩ mô không thuận lợi, thị trường chứng khoán niêm yết diễn biến khó lường, HĐQT đã chủ động hoãn việc chuyển niêm yết cổ phiếu trong năm 2023 để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông. Do đó, trong năm 2024, HĐQT trình ĐHĐCĐ tiếp tục thực hiện việc chuyển niêm yết cổ phiếu sang Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) *(Chi tiết tại Tờ trình v/v tiếp tục thực hiện việc chuyển niêm yết cổ phiếu Công ty từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)).*

7. Báo cáo về việc thoái vốn tại các công ty liên kết.

Trong năm 2023, ĐHĐCĐ đã thông qua chủ trương thoái vốn tại các công ty liên kết bao gồm:

- Công ty Cổ phần Xây dựng dân dụng và công nghiệp Phía Nam
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Phước Hòa
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích.

Về kết quả thực hiện, HĐQT đã triển khai và hoàn thành việc thoái vốn đối với Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Ban Tích.

Kế hoạch trong năm 2024: HĐQT trình ĐHĐCĐ thông qua tiếp tục thực hiện việc thoái vốn đối với các đơn vị còn lại *(Chi tiết tại Tờ trình thông qua phương án thoái vốn tại Công ty liên kết).*

III. Hoạt động của HĐQT trong năm 2023

1. Đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023.

Với tình hình kinh tế chính trị có nhiều khó khăn, ngành nghề kinh doanh bất động sản cũng chịu những ảnh hưởng nhất định. Tuy nhiên HĐQT đã linh hoạt chủ động trong lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các giải pháp để tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đạt được những kết quả tích cực, cụ thể:

- Chỉ đạo và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 để báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và triển khai các công việc chủ yếu trong năm 2023.

- Năm 2023, HĐQT đã tổ chức 23 cuộc họp, nội dung các cuộc họp tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua; triển khai kế hoạch SXKD năm 2023 và lập kế hoạch phát triển cho các năm tiếp theo; các định hướng về quản trị doanh nghiệp và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; tiếp tục công tác chỉ đạo thực hiện phương án tái cơ cấu Công ty phù hợp với tình hình hoạt động trong giai đoạn hiện tại.

- HĐQT đã ban hành 03 Nghị quyết và 26 Quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT CNT Group được ban hành trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của CNT Group, luôn là định hướng, chiến lược quan trọng để Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện, hoàn thành các kế hoạch và chỉ tiêu đã đề ra trong năm 2023.

- Công ty đã hoàn thành việc triển khai xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, hoàn tất việc giải thể một số văn phòng, chi nhánh, cửa hàng..., thoái vốn công ty con, nhằm định hướng tập trung nguồn lực vào hoạt động tìm kiếm và đầu tư dự án, các lĩnh vực kinh doanh chính, gia tăng hơn nữa hiệu quả đầu tư của Công ty.

2. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán thuộc HĐQT.

Ủy ban Kiểm toán đã phát huy vai trò của mình, thay thế cho Ban kiểm soát giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, quản lý rủi ro, tính phù hợp và tin cậy của báo cáo tài chính cũng như quản trị doanh nghiệp. Theo định kỳ, Ủy ban kiểm toán rà soát hệ thống kiểm toán nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro.

3. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT.

3.1. Hoạt động của các thành viên HĐQT độc lập:

HĐQT Công ty hiện có 01 thành viên độc lập. Thành viên HĐQT độc lập tham gia đầy đủ các phiên họp trực tiếp hoặc góp ý bằng văn bản trong các lần xin ý kiến của HĐQT và đưa ra những ý kiến đóng góp quan trọng vào chiến lược phát triển và hoạt động của CNT Group; chủ động trao đổi về các chỉ tiêu kinh doanh, các định hướng phát triển trong từng lĩnh vực hoạt động và đưa ra các đề xuất, giải pháp phù hợp. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý, quản trị, đã đóng góp vai trò quan trọng trong hoạt động quản trị của CNT Group.

3.2. Kết quả đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2023, các thành viên HĐQT đã tham gia họp đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của CNT Group. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và bảng phân công nhiệm vụ của thành viên HĐQT, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy chế hoạt động của HĐQT trong việc lập và thực hiện chương trình công tác năm, phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; giao nhiệm vụ để Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT phát huy chức năng tư vấn giám sát cho HĐQT đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền.

- Thành viên HĐQT chuyên trách đã chỉ đạo quyết liệt và theo dõi, giám sát thường xuyên Ban điều hành trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT về kế hoạch sản xuất kinh doanh, định hướng phát triển và hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ Công ty.

4. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành năm 2023.

Về cơ sở thực hiện: HĐQT CNT Group đã xác định mục tiêu cụ thể bám sát kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua, đặc biệt chú trọng đến chiến lược phát triển và hoạt động quản trị rủi ro của Công ty. HĐQT đã đưa ra định hướng phát triển, ứng phó phù hợp với diễn biến thị trường, xác định và giao nhiệm vụ cho Ban điều hành tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh theo định hướng chiến lược đã được phê duyệt. HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng tháng và họp bất thường nhằm giải quyết, quyết định các nội dung liên quan đến hoạt động quản trị điều hành, kinh doanh của Công ty, trao đổi thảo luận nội bộ và làm việc với các thành viên Ban điều hành nhằm hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh.

Về kết quả thực hiện công tác giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành như sau:

- Đối với tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023: Ban điều hành đã bám sát định hướng hoạt động do HĐQT đề ra, có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trước các kịch bản diễn biến của thị trường, linh hoạt chủ động triển khai các giải pháp phù hợp, kịp thời báo cáo, tham mưu để HĐQT đưa ra những quyết sách, chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành thực hiện hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ giao phó.

- Công tác tổ chức và điều hành: Ban Tổng giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo đúng các quy định tại Điều lệ, Quy chế Công ty và pháp luật hiện hành.

Với những kết quả đạt được, HĐQT ghi nhận những nỗ lực của Ban điều hành cùng toàn thể đội ngũ cán bộ nhân viên trong việc triển khai hoạt động kinh doanh năm 2023 và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

PHẦN B: ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2024

Định hướng lâu dài của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT là hướng tới đổi mới, xây dựng và phát triển thương hiệu CNT Group trở thành một đơn vị uy tín, phát triển ổn định trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản tại Việt Nam, tập trung hoạt động ở ngành nghề mũi nhọn là bất động sản và các ngành nghề hiện hữu.

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị tập trung thực hiện các nội dung chính như sau:

- Triển khai kế hoạch chi trả cổ tức và phân phối lợi nhuận.
- Chuẩn bị các điều kiện và thời điểm để đưa Công ty quay trở lại niêm yết trên sàn giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Duy trì hoạt động SXKD tại Mỏ đá Trà Đuốc; tiếp tục triển khai bán hàng phần còn lại của dự án Hà Tiên.
- Tiếp tục tìm kiếm và triển khai M&A dự án ngắn và trung hạn, phát triển quỹ đất lâu dài nhằm đảm bảo cho kế hoạch hoạt động của Công ty trong các giai đoạn tiếp theo.
- Tăng cường, bổ sung năng lực tài chính phục vụ M&A phát triển dự án, đẩy mạnh công tác tài chính trong năm 2024.

Với mục tiêu tiếp tục phát triển bền vững, ổn định tình hình SXKD Công ty trong giai đoạn hiện tại, chuẩn bị kỹ càng các nguồn lực để tăng tốc, đẩy mạnh hoạt động SXKD khi thời cơ đến. Hội đồng quản trị Công ty xác định các chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2024 như sau:

- Tổng doanh thu thuần hợp nhất: 240 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 145 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 118 tỷ đồng.

Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng giám đốc, Ban điều hành Công ty cần quyết liệt hơn nữa, khai thác tối đa cơ hội thị trường, cơ hội kinh doanh, đồng thời củng cố, nâng cao năng lực về tài chính, con người, hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao.

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Với nguồn nội lực vững chắc đã được tạo dựng qua hơn 40 năm hình thành và phát triển, cùng niềm tin mãnh liệt vào tương lai phát triển của nền kinh tế và thị trường bất động sản Việt Nam, Ban lãnh đạo cùng tập thể CNT Group sẽ vững vàng vượt qua mọi

khó khăn, nắm bắt và khai thác có hiệu quả các cơ hội kinh doanh để phát triển lớn mạnh và hiệu quả hơn trong năm 2024 và các năm tiếp đến. Ngoài ra, sự phát triển của CNT Group luôn phải gắn liền với việc đem lại giá trị cao nhất cho khách hàng, đối tác, cổ đông, người lao động và đóng góp cho sự phát triển chung của nền kinh tế, thị trường bất động sản Việt Nam, bên cạnh đó cùng san sẻ trách nhiệm, thành quả với cộng đồng và xã hội, hướng đến kiến tạo tương lai thịnh vượng và phát triển bền vững.

Trên đây là nội dung báo cáo của HĐQT về hoạt động trong năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024.

Xin kính chúc Quý vị đại biểu, Quý cổ đông cùng gia đình lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và bình an. Chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;*
- *Các TV HĐQT, Ban điều hành;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301460126 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CNT GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /BC-BĐH

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO
TỔNG KẾT NĂM 2023 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2024 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNT

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ vào Điều lệ hoạt động Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNT;
Căn cứ vào kết quả SXKD năm 2023 của Công ty CP Tập đoàn CNT;

Tôi xin thay mặt Ban điều hành Công ty báo cáo về kết quả hoạt động năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ 2024 trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Năm 2023, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNT thực hiện nhiệm vụ được giao trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế, với một năm đầy sóng gió của thị trường Bất động sản Việt Nam.

Tín hiệu khó khăn của thị trường bất động sản bắt đầu bùng mạnh, lan rộng vào thời điểm cuối năm 2022 và bước sang năm 2023, khó khăn đã bao trùm toàn bộ thị trường bất động sản. Tình trạng nhà đầu tư rao bán cắt lỗ, giảm giá diễn ra rầm rộ, thậm chí nhiều chủ đầu tư dự án để bán được hàng cũng chấp nhận chiết khấu tới 40% giá bán.

Trong bức tranh trầm lắng của bất động sản năm 2023, sự lao đao của doanh nghiệp địa ốc là điểm nhấn đầy chú ý. Chỉ trong một năm, thị trường bất động sản đã chứng kiến sự ra đi của nhiều doanh nghiệp. Có doanh nghiệp phải tạm thời đóng cửa hoặc tạm dừng hoạt động, đồng thời hàng loạt doanh nghiệp bất động sản lớn cũng tổ chức cơ cấu lại bộ máy, giải thể công ty con, cắt giảm nhân sự từ 50% đến dưới 75%.

Đứng trước những khó khăn, thách thức lớn như trên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNT đã đề ra các biện pháp quản lý, điều hành cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế, cụ thể là tối ưu hóa nguồn lực hiện hữu và phát huy truyền thống của CNT Group, tập hợp thống nhất sức mạnh tập thể của người lao động chung sức, đồng lòng vượt qua khó khăn phấn đấu hoàn thành cao nhất có thể các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 đã được thông qua tại Hội đồng cổ đông, đảm bảo an toàn sức khỏe cũng như ổn định thu nhập, đời sống của cán bộ nhân viên.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023:

Thị trường Bất động sản đã xuất hiện những khó khăn từ cuối năm 2022, nhưng sang năm 2023 mới thực sự ngấm đòn vì ách tắc pháp lý, nguồn vốn, một năm đầy thách thức, khó khăn đối với ngành Bất động sản khi chứng kiến sự sụt giảm đột ngột cả cung lẫn cầu trái với kỳ vọng thị trường sẽ quay đầu.

Những khó khăn, thách thức của thị trường tác động không nhỏ đến hoạt động kinh doanh, vận hành của CNT Group.

Trước những biến động của thị trường trong năm, dù còn phải đối mặt với những thách thức và áp lực tình hình chung, CNT Group vẫn giữ vững hoạt động cốt lõi, quyết liệt củng cố nền tảng, nâng cấp nội lực cùng với các quyết sách, thay đổi theo xu hướng kịp thời, linh hoạt của Hội đồng quản trị, Ban TGĐ và sự đồng lòng quyết tâm của toàn bộ CBNV đã giúp CNT Group vẫn đạt mức doanh thu và lợi nhuận so kế hoạch.

Thông qua số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC cho thấy kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2023:

ĐVT: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH / KH
1	Giá trị doanh thu thuần hợp nhất.	358	364	103%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất.	184	253	137,5%
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất.	152	214	141%

2. Tài chính và một số vấn đề khác:

2.1 Tình hình tài chính CNT Group:

Tình hình tài chính Công ty năm 2023 tiếp tục khả quan, Công ty đã tích lũy được nguồn tài chính dồi dào, sẵn sàng cho phục vụ đầu tư phát triển. Cụ thể, cuối năm 2023 tổng tài sản ngắn hạn trên BCTC Hợp nhất của CNT Group là: 861,7 tỷ đồng chiếm 95% trên tổng tài sản trong đó:

- Các khoản tiền và tương đương tiền: 38,7 tỷ đồng chiếm 4% trên tổng tài sản.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chủ yếu là nguồn tiền gửi các tổ chức tín dụng 593,2 tỷ đồng chiếm 65% trên tổng tài sản.

- Các khoản phải thu ngắn hạn 106 tỷ đồng chiếm 12% trên tổng tài sản Công ty.

2.2 Tình hình hoạt động của các công ty con: Nhìn chung hoạt động của các công ty con của CNT Group năm 2023 chưa thật sự khởi sắc còn gặp nhiều khó khăn.

2.3 Một số vấn đề khác:

- Doanh thu từ hoạt động tài chính năm 2023 đạt 57,7 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2022 là 40,2 tỷ đồng tăng 149%.

- Thu nhập của Ban Tổng giám đốc Công ty năm 2023: **3.573.517.591** đồng (Bao gồm lương và thưởng).

III. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2024.

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của CNT Group đã đạt được trong năm 2023 và dự báo tình hình thuận lợi khó khăn năm 2024, Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty nhận định và định hướng cho hoạt động năm 2024 như sau:

- Thị trường và sản phẩm: Thị trường BĐS năm 2024 tiếp tục đối diện với nhiều cơ hội và thách thức đan xen. Triển vọng thị trường là khởi sắc nhưng có thể sẽ mang tính cục bộ và phân hoá.

- Tài chính: Kinh tế thế giới nhìn chung vẫn là gam màu xám. Vòng quay tiền trong nước rất thấp, chính sách tháo gỡ khó khăn, giải pháp giúp doanh nghiệp bất động sản tiếp cận nguồn vốn vẫn còn hạn chế.

- Pháp lý: Pháp lý là yếu tố quan trọng, các nút thắt trong việc phê duyệt các dự án mới được giải quyết thì thị trường BĐS sẽ phục hồi. Với 3 luật quan trọng có hiệu lực từ 1/1/2025. Đây cũng được xem là thời điểm chuyển giao giữa chu kỳ cũ và mới.

Mặc dù, chưa thể khẳng định thị trường sẽ đạt được các kết quả rực rỡ trong năm 2024. Nhưng đây chính là 'nền móng' cho chu kỳ phát triển mới của thị trường BĐS Việt Nam. Đây cũng là thời điểm để chúng ta sẵn sàng "Tăng tốc để bứt phá".

1. Trong ngắn hạn:

1.1 Tập trung phát triển với những dòng sản phẩm Bất động sản vừa hợp túi tiền:

- Ưu tiên phát triển các dự án có sản phẩm sẵn sàng phù hợp với thị trường.

- Xây dựng chính sách hỗ trợ khách hàng mua sản phẩm.

- Tiếp tục tìm kiếm và triển khai thực hiện các thương vụ mua sỉ bán lẻ M&A dự án ngắn và trung hạn phát triển quỹ đất nhằm đảm bảo cho kế hoạch phát triển của Công ty trong các giai đoạn tiếp theo phục vụ cho sản phẩm phù hợp túi tiền khách hàng.

- Mở rộng hệ thống bán hàng triển khai làm việc với những đơn vị có năng lực và uy tín để thiết lập hệ thống quản lý áp dụng những công nghệ tiên tiến để quản trị theo xu thế chuyên nghiệp và hiệu quả hơn, luôn khẳng định thương hiệu, vị thế cũng như thị phần trên thị trường.

1.2 Xây dựng kế hoạch tài chính tổng thể cho Công ty:

- Duy trì cấu trúc tài chính lành mạnh đảm bảo nằm trong ngưỡng an toàn.

- Cân đối dòng tiền, tập trung ưu tiên công tác tiền cho phát triển dự án

- Đa dạng hóa nguồn vốn, xây dựng phương án tiếp cận nguồn vốn tốt trên thị trường.

1.3 Tổ chức bộ máy năng lực cao tại các vùng dự án trọng điểm:

- Tập trung tháo gỡ pháp lý dự án trọng điểm hoàn thành quyết toán dự án

1.4 Đối với lĩnh vực sản xuất khai thác:

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh công suất khai thác, hoạt động tại mỏ và bán hàng theo chủ trương được thống nhất của HĐQT nhằm đạt hiệu quả cao nhất. Ngoài ra tiếp tục đẩy mạnh công tác hoàn thiện pháp lý mở rộng đầu tư khai thác.

1.5 Đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ: Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ trong năm 2024 tập trung duy trì sản lượng theo kế hoạch, ngoài ra mở rộng và phát triển thêm các dịch vụ cho thuê, dịch vụ lưu trú, đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động.

2. Trong dài hạn:

2.1 Tập trung phát triển quỹ đất lâu dài nhằm đảm bảo cho kế hoạch phát triển của Công ty trong các giai đoạn tiếp theo.

2.2 Đổi mới nâng cao chất lượng sản phẩm, cùng với việc khẳng định vị thế là chủ đầu tư dự án với các dòng sản phẩm trung và cao cấp trong lĩnh vực kinh doanh Bất động sản CNT Group hướng tới khách hàng tiềm năng bằng cách:

- Thiết lập bộ tiêu chuẩn xây dựng và sản phẩm tiện ích khu đô thị.

- Triển khai lộ trình chuyển đổi số.

- Tổ chức bộ máy và con người đủ năng lực.

- Áp dụng các nền tảng số hóa trong quy trình vận hành doanh nghiệp, quy trình kinh doanh.

Tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển an toàn và tăng trưởng bền vững. Đẩy mạnh chú trọng phát triển vào các mảng công việc tiềm năng như khai thác và đầu tư dự án. Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đề ra chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2024 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH
1	Giá trị doanh thu thuần hợp nhất	240
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	145
3	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	118

Trong năm 2024, HĐQT, Ban điều hành Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNT tiếp tục theo sát những thay đổi trong chính sách của chính phủ cũng như diễn biến của nền kinh tế, của thị trường BĐS, chủ động có những quyết sách ứng phó kịp thời nhằm giữ vững tăng trưởng và đảm bảo các lợi ích như đã cam kết với cổ đông.

Thay mặt Ban điều hành Công ty, Tôi xin ghi nhận sự đóng góp của toàn thể CBNV Công ty trong thời gian qua, đã đóng góp công sức cùng với Công ty vượt qua mọi khó khăn trở ngại.

Và xin cảm ơn sự có mặt của Quý vị cổ đông, cảm ơn sự tin tưởng của Quý vị đối với chúng tôi.

Kính chúc Quý vị đại biểu, Quý cổ đông, toàn thể CBNV cùng gia đình dồi dào sức khỏe và hạnh phúc.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;*
- *Các TV HĐQT, Ban điều hành;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0301460... CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN SƠN NAM

CNT GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

Số: 03 /TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn CNT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch Vụ Tin Học Moore AISC.

Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán được công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: *www.cnt.com.vn*.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;*
- *Các TV HĐQT, Ban điều hành;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301460120 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CNT GROUP

Số: 04/BC-UBKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO CỦA UỶ BAN KIỂM TOÁN TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính thưa Quý cổ đông,

Tôi xin thay mặt UBKT Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT (CNT Group) báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả hoạt động Ủy ban kiểm toán trong năm 2023 với các nội dung như sau:

I. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN:

1. Thành phần, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT (CNT Group), gồm có 02 (hai) thành viên, trong đó:

STT	Họ và tên	Chức danh	Vị trí	Ngày bắt đầu
1	Lý Chí Tùng	Thành viên độc lập HĐQT	Chủ tịch UBKT	09/04/2021
2	Trần Công Quý	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên UBKT	09/04/2021

2. Cơ chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban Kiểm toán hoạt động theo Quy chế hoạt động của UBKT do HĐQT ban hành phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Tổng kết các cuộc họp của Uỷ ban kiểm toán

STT	Thành viên Uỷ ban kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Lý Chí Tùng	02	100%	100%
2	Ông Trần Công Quý	02	100%	100%

Trong năm 2023, UBKT đã tổ chức 02 cuộc họp với nội dung chính là thông qua số liệu dự thảo báo cáo tài chính trong năm 2023; đánh giá kết quả quá trình hoạt động trong năm 2023 của HĐQT, Ban điều hành Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của pháp

luật và các quy định nội bộ khác của công ty, làm cơ sở báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

4. Thù lao, phúc lợi, chi phí hoạt động của UBKT trong năm 2023:

Các thành viên UBKT đã nhận thù lao và các phúc lợi với vai trò Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nên không hưởng thêm các khoản thù lao hay lợi ích nào khác khi thực hiện công việc với vai trò là thành viên Uỷ ban kiểm toán.

5. Hoạt động giám sát của UBKT về Quản trị Công ty

- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Kiểm tra tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty; bao gồm nhưng không giới hạn kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về nghĩa vụ thuế, bảo hiểm bắt buộc và các nghĩa vụ tài chính khác.

- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên, báo cáo năm 2023. Đánh giá việc tuân thủ quy trình, quy định, chính sách và chuẩn mực kế toán. Giám sát dịch vụ kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính Công ty.

- Kiểm tra việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình của Công ty; Đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trong việc phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro.

- UBKT thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT đồng thời thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành (BĐH) thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc (TGĐ).

- UBKT thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất lên HĐQT.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

1. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty.

- Năm 2023 các công tác kế toán, ghi chép lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính đã phản ánh tình hình tài chính của Công ty chính xác và trung thực.

- UBKT ghi nhận và thông qua báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 đã được kiểm toán. BCTC 2023 đã được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành, phản ánh trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của CNT Group, không phát hiện các sai sót trọng yếu có thể ảnh hưởng đến tính trung thực của BCTC.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của CNT Group trong giai đoạn nhiều thách thức và trở ngại nhưng vẫn đạt được kết quả tốt trong năm 2023:

+ Doanh thu thuần đạt 364 tỷ, vượt 3% so với kế hoạch.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt 253 tỷ, vượt 37.5% so với kế hoạch

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 214 tỷ, vượt 41% so với kế hoạch.

2. Kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Qua công tác kiểm tra, giám sát, UBKT nhận thấy HĐQT, Ban điều hành đã tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. UBKT nhận thấy các hoạt động của Công ty được tuân thủ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật.

2.1. Đối với Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức năng và vai trò định hướng phát triển công ty thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Các quyết sách trọng yếu của Ban Tổng giám đốc luôn được phân tích, phản biện và tham vấn kịp thời từ Hội đồng quản trị để có thể đưa ra giải pháp phù hợp cho hoạt động Công ty.

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị tập trung triển khai các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và ra các quyết định căn cứ theo tình hình thực tế, điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo tôn chỉ tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị công ty.

2.2. Đối với Ban điều hành

- Ban Tổng giám đốc và Cán bộ quản lý công ty đã nghiêm túc triển khai các nội dung theo định hướng chỉ đạo của Hội đồng quản trị và đã thực thi tốt chức năng nhiệm vụ được giao.

- Ban Tổng giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động của công ty tuân thủ theo các quy trình, quy chế nội bộ và điều lệ. Tổ chức công tác kế toán tài chính tuân thủ các yêu cầu, quy định của chế độ kế toán và các quy định có liên quan, tổ chức tốt việc theo dõi hệ thống kiểm soát trong công tác điều hành hoạt động của công ty.

3. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty

CNT Group duy trì việc kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro, tham gia giám sát, kiểm soát chặt chẽ tất cả các mảng hoạt động của Công ty, đảm bảo các hoạt động nghiệp vụ đều tuân thủ đúng quy trình đã ban hành.

CNT Group luôn chủ trương tạo môi trường minh bạch, thuận lợi nhất cho hoạt động kiểm toán, thanh tra của các tổ chức kiểm toán độc lập cũng như cơ quan nhà nước. Các số liệu trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp phản ánh đầy đủ, trung thực về tình hình tài chính, hoạt động của doanh nghiệp và phù hợp với chuẩn mực, chế độ về kế toán, kiểm toán và quy định pháp luật.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Trong năm 2023, UBKT đã báo cáo đến HĐQT các vấn đề ghi nhận và các kiến nghị của UBKT thông qua các cuộc họp của HĐQT.

HĐQT đã kịp thời xem xét các kiến nghị của UBKT và chỉ đạo Ban điều hành trong việc tổ chức hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro cho toàn Công ty.

Uỷ ban kiểm toán nhận được sự phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty thông qua việc cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị công ty, các hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính công ty.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Qua công tác kiểm tra giám sát và trên cơ sở các chỉ số tài chính, UBKT đưa ra một số kiến nghị để đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2023 và hoàn thành mục tiêu chiến lược giai đoạn sắp tới như sau:

- Về hệ thống văn bản trong quản trị, điều hành: cập nhật, điều chỉnh các văn bản liên quan đến hệ thống quy trình quy chế và cơ chế phân quyền đầy đủ để nâng cao năng suất và hạn chế nhưng sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục duy trì và hoàn thiện chức năng giám sát hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ theo các khuôn khổ thực hành tốt của quốc tế để hỗ trợ và thúc đẩy Công ty hoàn thành mục tiêu.

- Tiếp tục duy trì sự phối hợp giữa Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty tiếp tục hỗ trợ, phối hợp và tương tác với Uỷ ban kiểm toán chặt chẽ để giảm thiểu các rủi ro, nâng cao hiệu suất kiểm soát và hiệu quả hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ được giao trong năm 2023.

- Lựa chọn các công ty kiểm toán độc lập có uy tín để thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2024.

- Tiếp tục duy trì và gia tăng các hoạt động giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao nhận thức người lao động trong công tác phòng chống gian lận và thực hiện tuân thủ trong Công ty.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA UỶ BAN KIỂM TOÁN

- Tiếp tục tập trung kiểm soát tuân thủ, các nội dung về chiến lược phát triển của công ty và đơn vị trực thuộc để báo cáo và đề xuất kiến nghị với Hội đồng quản trị.

- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của công ty trong năm 2024.

- Đề xuất, kiến nghị liên quan đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và phù hợp với điều kiện thực tế của công ty trình Hội đồng quản trị.

- Giám sát chất lượng dịch vụ của Đơn vị kiểm toán trong các đợt kiểm toán của năm 2024

- Đề xuất, kiến nghị Hội đồng quản trị các nội dung về hệ thống quản trị rủi ro, tài chính, cũng như các định hướng phù hợp với công ty trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý công ty.

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành điều lệ công ty và thực hiện các quyết sách Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị.

Trên đây là báo cáo hoạt động năm 2023 và phương hướng hoạt động trong năm 2024 của Uỷ ban kiểm toán, kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Trân trọng tiếp thu ý kiến đóng góp của Quý cổ đông.

Xin cảm ơn Quý cổ đông đã lắng nghe, kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. UỶ BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH

LÝ CHÍ TÙNG

CNT GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Về việc Báo cáo mức chi trả thù lao HĐQT năm 2023
và Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT năm 2024

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 12/04/2023;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2023 và kế hoạch SXKD năm 2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua thù lao của HĐQT đã thực hiện năm 2023 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT năm 2024 như sau:

1. Báo cáo mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2023:

- Tổng mức thù lao của HĐQT năm 2023 căn cứ trên tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế, không quá: 2.140.615.988 đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ một trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười lăm nghìn chín trăm tám mươi tám đồng).*

- Mức thù lao đã chi trả: 795.600.000 đồng *(Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng)*. Tương ứng với tỷ lệ: 0.37% tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

2. Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị năm 2024:

Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2024 của CNT Group, yêu cầu công tác quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh trong năm 2024, HĐQT đề xuất mức chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị năm 2024 căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và được tính không quá 01% (Một phần trăm) tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế.

HĐQT kính trình ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định và thực hiện việc chi trả thù lao, lương, các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và các chế độ khác đối với thành viên HĐQT theo quy định hiện hành của CNT Group và quy định của pháp luật, trên cơ sở phân công nhiệm vụ của từng thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;*
- *Các TV HĐQT, Ban điều hành;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301480120 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CNT GROUP

Số: 06 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v Phê duyệt mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2023 và kế hoạch trả cổ tức năm tài chính 2024

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty CP Tập đoàn CNT năm 2023 đã được kiểm toán;

Căn cứ tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Thông qua mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2023:

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	**Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2023**	**253.134.862.117**	
II	**Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023**	**38.356.731.259**	
III	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại năm 2023**	**716.532.039**	
IV	**Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023**	**214.061.598.819**	
V	**Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023**	**144.418.741.182**	
1	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	3.991.506.900	Tương ứng tỷ lệ 100 đồng/cổ phiếu
2	Chia cổ tức bằng cổ phiếu	103.779.170.000	Tương ứng tỷ lệ 26%/Tổng số cổ phần đang lưu hành
VI	**Lợi nhuận chưa phân phối còn lại**	**36.648.064.282**	

2. Thông qua kế hoạch trả cổ tức năm tài chính 2024 với tỷ lệ là 22%.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty xin cam kết nỗ lực hết mình để bảo vệ và gia tăng lợi ích của cổ đông Công ty trong những năm tới.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;*
- *Các TV HĐQT, Ban điều hành;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301460120 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CNT GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023

Kính gửi: **Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán 54/2020/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2024.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 cụ thể như sau:

1. Thông qua phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023, chi tiết như sau:

1. Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT
2. Mã chứng khoán	CNT
3. Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng
4. Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
5. Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành	40.015.069 cổ phiếu
6. Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.915.069 cổ phiếu
7. Số lượng từng loại cổ phần ưu đãi	Không có cổ phiếu ưu đãi
8. Số lượng cổ phiếu quỹ	100.000 cổ phiếu
9. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành trả cổ tức	10.377.917 cổ phiếu

10. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành trả cổ tức dự kiến theo mệnh giá	103.779.170.000 đồng
11. Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2023	26%/mệnh giá
12. Hình thức chi trả	Bằng cổ phiếu
13. Tỷ lệ thực hiện quyền	100:26 (mỗi cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu sẽ nhận được 01 quyền, và cứ 100 quyền sẽ được nhận 26 cổ phiếu mới)
14. Đối tượng phát hành	Cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) chốt tại ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức bằng cổ phiếu
15. Nguồn vốn sử dụng	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến ngày 31/12/2023, xác định theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán. Trong đó: - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế riêng năm 2023: 133.743.404.057 đồng - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế hợp nhất năm 2023: 144.418.741.182 đồng - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối dùng để chia cổ tức bằng cổ phiếu: 103.779.170.000 đồng
16. Thời gian thực hiện	Trong năm 2024, ngay sau khi được chấp thuận của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
17. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ	Cổ phiếu phát hành sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Toàn bộ cổ phiếu lẻ phát sinh (phần thập phân) (nếu có) sẽ bị hủy bỏ, không phát hành. *Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2023, cổ đông A sở hữu 99 cổ phiếu CNT, với tỷ lệ phân bổ quyền 100:26, cổ đông A nhận được thêm 25,74 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc xử lý cổ phiếu lẻ,*

	cổ đông A chỉ nhận được là 25 cổ phiếu; phần cổ phiếu lẻ 0,74 sẽ bị hủy bỏ.
18. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu	Phần vốn tăng thêm từ việc Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu được sử dụng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh của Công ty
19. Đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung	Toàn bộ số cổ phần phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ đăng ký chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngay sau khi hoàn tất việc phát hành theo đúng quy định pháp luật

2. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trong Điều lệ Công ty và điều chỉnh nội dung Đăng ký doanh nghiệp tại Sở kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung toàn bộ số cổ phiếu phát hành tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số cổ phiếu này tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

4. Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị công ty thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm tài 2023 như sau:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với Ủy ban chứng khoán nhà nước và giải trình (nếu có).

- Quyết định bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh toàn bộ các vấn đề, nội dung của Phương án phát hành (bao gồm cả quyết định về các nội dung chưa được trình bày trong phương án này) và hoàn thiện các hồ sơ cần thiết khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan nhằm đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật khi làm thủ tục tăng vốn điều lệ.

- Lựa chọn thời điểm thích hợp và thực hiện các thủ tục cần thiết để chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền và ngày giao dịch đầu tiên cho số lượng cổ phiếu mới theo kế hoạch và đúng quy định pháp luật có liên quan.

- Thực hiện các quy định cần thiết có liên quan để đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và niêm yết bổ sung toàn bộ lượng cổ phiếu sau khi phát hành tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành và phù hợp với kết quả phát hành.

- Thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở kế hoạch và Đầu tư theo kết quả của đợt phát hành.

- Thực hiện các thủ tục công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Các công việc khác có liên quan để hoàn tất các nội dung liên quan đến việc phát hành.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Các TV HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301460120 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v lựa chọn công ty kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ tờ trình số 05/TTr-UBKT ngày 17/03/2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua ngày 12/04/2023;

Căn cứ tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học MOORE AISC là đơn vị thực hiện báo cáo tài chính năm 2023.

Uỷ Ban kiểm toán xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền Hội đồng quản trị Công ty được tự lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 đảm bảo các tiêu chí về đơn vị kiểm toán độc lập theo quy định, phù hợp với điều kiện công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

ĐẠI DIỆN UỶ BAN KIỂM TOÁN

LÝ CHÍ TÙNG

CNT GROUP

Số: 09 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v thông qua chủ trương thoái vốn tại các công ty liên kết

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty CP Tập đoàn CNT năm 2023 đã kiểm toán;

Xét tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về kết quả thực hiện việc thoái vốn tại các công ty liên kết như sau:

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục thoái 100% vốn tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Thương Mại Ban Tích.

Nhằm chủ động trong việc quản trị tài chính, đồng thời bổ sung nguồn vốn đầu tư cho công ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tiếp tục thực hiện phương án thoái vốn tại các công ty:

1. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Dân Dụng và Công Nghiệp Phía Nam

- Giá trị đầu tư tài chính là 1.000.000.000 đồng (tương ứng 33.33% phần vốn nắm giữ tại Công ty Cổ Phần Xây Dựng và Công Nghiệp Phía Nam)

- Lý do thoái vốn: Hiện trạng đơn vị này không còn hoạt động tại trụ sở theo địa chỉ đăng ký, không liên hệ được để làm việc, không cung cấp BCTC định kỳ, không có phát sinh hoạt động kinh doanh.

- Công ty CP Tập đoàn CNT đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

- Tỷ lệ thoái vốn đề xuất: Thoái vốn 100% giá trị đầu tư

- Giá thoái vốn: 1.000.000 đồng.

2. Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Phước Hòa

- Giá trị đầu tư tài chính là 853.210.000 đồng (tương ứng 2.05% phần vốn nắm giữ tại Công ty TNHH Đầu Tư Và Phát Triển Phước Hòa)

- Lý do thoái vốn: Hiện trạng đơn vị này không hoạt động tại trụ sở theo địa chỉ đăng ký, không liên hệ được để làm việc, không cung cấp BCTC định kỳ, không có phát sinh hoạt động kinh doanh.

- Công ty CP Tập đoàn CNT đã trích lập dự phòng đối với khoản đầu tư này.

- Tỷ lệ thoái vốn đề xuất: Thoái vốn 100% giá trị đầu tư

- Giá thoái vốn: 1.000.000 đồng.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông đồng ý thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

1. Thực hiện các thủ tục thoái vốn 100% cổ phần của Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNT tại các công ty liên kết với giá thoái vốn theo đề xuất nêu trên;

2. Chọn đơn vị tư vấn thoái vốn, triển khai phương án thoái vốn chi tiết;

3. Lựa chọn thời điểm thoái vốn;

4. Và xử lý toàn bộ các phát sinh trong quá trình thoái vốn theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;*
- *Các TV HĐQT, Ban điều hành;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301460120 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CNT GROUP

Số: 10 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v tiếp tục thực hiện việc chuyển niêm yết cổ phiếu Công ty từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ Báo cáo tài chính của Công ty CP Tập đoàn CNT năm 2023 đã kiểm toán;

Xét tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 về kết quả thực hiện việc chuyển niêm yết cổ phiếu Công ty từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) như sau:

Trong bối cảnh môi trường vĩ mô không thuận lợi, thị trường chứng khoán niêm yết diễn biến khó lường, HĐQT đã chủ động hoãn việc chuyển niêm yết cổ phiếu trong năm 2023 để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cũng như cơ sở để tiếp tục chuyển niêm yết cổ phiếu Công ty từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Tiếp tục thực hiện Phương án chuyển đăng ký giao dịch Cổ phiếu của Công ty từ UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE), chi tiết như sau:

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNT
- Mã chứng khoán: CNT
- Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đăng ký chuyển sàn: toàn bộ cổ phiếu Công ty Cổ Phần Tập Đoàn CNT đang lưu hành.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)

- Thời gian đăng ký chuyển sàn: trong năm 2024.

2. Các vấn đề ủy quyền

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị các nội dung sau:

- Chuẩn bị hồ sơ, thủ tục cần thiết và triển khai các công việc liên quan để thực hiện việc chuyển sàn giao dịch;
- Chọn thời điểm phù hợp để triển khai thủ tục chuyển sàn giao dịch;
- Chủ động điều chỉnh Phương án theo sự thay đổi của quy định pháp luật hoặc yêu cầu của Cơ quan chức năng có thẩm quyền tại thời điểm thực hiện;
- Thực hiện các thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của các cơ quan chức năng có liên quan trong quá trình chuẩn bị và quá trình triển khai chuyển sàn giao dịch;
- Và các nội dung khác liên quan đến chuyển niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;*
- *Các TV HĐQT, Ban điều hành;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301460120 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CNT GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua sửa đổi một số ngành nghề kinh doanh

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/202/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ tình hình thực tế.

Qua rà soát ngành nghề kinh doanh, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với Công ty đại chúng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc điều chỉnh, sửa đổi một số ngành nghề kinh doanh, Điều lệ của Công ty như sau:

1. Danh sách ngành, nghề kinh doanh trước khi điều chỉnh:

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.*
2	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.*
3	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác *Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải.*
4	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa *Chi tiết: Dịch vụ kho bãi.*
5	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông *Chi tiết: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động.*
6	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm *Chi tiết: Mua bán máy vi tính và linh kiện.*
7	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình *Chi tiết: Sửa chữa máy điều hòa không khí.*
8	0149	Chăn nuôi khác

		Chi tiết: Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở).
9	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiểu thủ công nghiệp. Kinh doanh sản phẩm nhựa, cao su. Mua bán giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì PP-PE. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hạt nhựa.*
10	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Kinh doanh máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công. Mua bán thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô.* *Buôn bán thiết bị máy móc ngành công nghiệp nặng liên quan đến ngành dầu khí.*
11	4541	Bán mô tô, xe máy *Chi tiết: Kinh doanh xe máy.*
12	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
13	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. *Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử, gốm sứ. Mua bán thiết bị điện lạnh – điện gia dụng, bếp cảm ứng từ. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể dục thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao). Mua bán đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, Bột giặt, nước rửa chén, dầu gội đầu, kem đánh răng các loại và các loại hàng tạp hóa khác, đồ dùng nội thất, hóa mỹ phẩm.*
14	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. *Chi tiết: Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.*
15	6190	Hoạt động viễn thông khác *Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.*
16	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. *Chi tiết: Lắp đặt máy điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại tại trụ sở.*
17	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. *Chi tiết: Khai thác mỏ.*
18	4633	Bán buôn đồ uống. *Chi tiết: Mua bán đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)*
19	4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép *Chi tiết: Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải.*
20	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. *Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay.*
21	4632	Bán buôn thực phẩm. *Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán buôn sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.*
22	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bằng gỗ, bao bì từ plastic (trừ luyện, cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở.)*
23	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất

		Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản.
24	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. *Chi tiết: Khai thác đá, sỏi xây dựng, cát xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).*
25	7310	Quảng cáo. *Chi tiết: Quảng cáo thương mại.*
26	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).*
27	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. *Chi tiết: Lập dự án đầu tư.* *- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;* *- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;* *- Tư vấn đấu thầu;* *- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.*
28	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. *Chi tiết: Mua bán sắt thép, đồng, nhôm.*
29	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá. *Chi tiết: Môi giới.*
30	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở)
31	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ khác. Tư vấn và chuyển giao công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí.*
32	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Xây dựng trung tâm thương mại*
33	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
34	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại *Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)*
35	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
36	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)*
37	0121	Trồng cây ăn quả
38	0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
39	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
40	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống *Chi tiết: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán café, nước hoa quả, giải khát (trừ hoạt động quán bar và quán*

		giải khát có khiêu vũ)
41	0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
42	4634	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào
43	4711	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)
44	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp *Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh).*
45	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, rau, củ, quả, tươi sống (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh). Bán lẻ sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.*
46	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ đồ uống, rượu, bia, đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn*
47	4724	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh
48	4763	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
49	4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).
50	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
51	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác *Chi tiết: đưa đón khách có thu tiền*
52	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày *Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê*
53	7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí *Chi tiết: Cho thuê cần câu cá, thuyền, áo phao*
54	7911	Đại lý du lịch
55	7912	Điều hành tua du lịch *Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế*
56	7790	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: dịch vụ hỗ trợ thủ tục lên máy bay.
57	8551	Giáo dục thể thao và giải trí *Chi tiết: Hoạt động thể dục thể thao, gym, hồ bơi, yoga (không hoạt động tại trụ sở)*
58	9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề *Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi trẻ em, tổ hợp trượt nước, hồ bơi cho trẻ em*

59	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng, không kinh doanh trò chơi có tính chất đánh bạc).*
60	9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) *Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).*
61	9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu *Chi tiết: Chăm sóc da, Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm (trừ các hoạt động gây chảy máu) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).*
62	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Quản lý cao ốc, văn phòng, tòa nhà chung cư (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)*
63	8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế *Chi tiết: Bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở)*
64	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)
65	1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản (không hoạt động tại trụ sở)
66	1030	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)
67	1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
68	8511	Giáo dục nhà trẻ (không hoạt động tại trụ sở)
69	8512	Giáo dục mẫu giáo (không hoạt động tại trụ sở)
70	8521	Giáo dục tiểu học (không hoạt động tại trụ sở)
71	8522	Giáo dục trung học cơ sở (không hoạt động tại trụ sở)
72	8531	Đào tạo sơ cấp *Chi tiết: Dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở)*
73	8552	Giáo dục văn hóa nghệ thuật. *(không hoạt động tại trụ sở).*
74	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
75	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hooc môn. (Không hoạt động tại trụ sở)*

2. Danh sách ngành, nghề kinh doanh sau khi điều chỉnh:

STT	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
1	4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.*
2	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu*

		công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
3	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác *Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải.*
4	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa *Chi tiết: Dịch vụ kho bãi.*
5	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông *Chi tiết: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động.*
6	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm *Chi tiết: Mua bán máy vi tính và linh kiện.*
7	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình *Chi tiết: Sửa chữa máy điều hòa không khí.*
8	0149	Chăn nuôi khác *Chi tiết: Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở).*
9	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiểu thủ công nghiệp. Kinh doanh sản phẩm nhựa, cao su. Mua bán giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì PP-PE. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hạt nhựa.*
10	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Kinh doanh máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công. Mua bán thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô.* *Buôn bán thiết bị máy móc ngành công nghiệp nặng liên quan đến ngành dầu khí.*
11	4541	Bán mô tô, xe máy *Chi tiết: Kinh doanh xe máy.*
12	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
13	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. *Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử, gốm sứ. Mua bán thiết bị điện lạnh – điện gia dụng, bếp cảm ứng từ. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể dục thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao). Mua bán đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, Bột giặt, nước rửa chén, dầu gội đầu, kem đánh răng các loại và các loại hàng tạp hóa khác, đồ dùng nội thất, hóa mỹ phẩm.*
14	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. *Chi tiết: Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.*
15	6190	Hoạt động viễn thông khác *Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.*
16	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. *Chi tiết: Lắp đặt máy điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại tại trụ sở.*
17	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. *Chi tiết: Khai thác mỏ.*
18	4633	Bán buôn đồ uống. *Chi tiết: Mua bán đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)*
19	4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép

		Chi tiết: Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải.
20	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. *Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay.*
21	4632	Bán buôn thực phẩm. *Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán buôn sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.*
22	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bằng gỗ, bao bì từ plastic (trừ luyện, cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở.)*
23	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất *Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản.*
24	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. *Chi tiết: Khai thác đá, sỏi xây dựng, cát xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).*
25	7310	Quảng cáo. *Chi tiết: Quảng cáo thương mại.*
26	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).*
27	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. *Chi tiết: Lập dự án đầu tư.* *- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;* *- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;* *- Tư vấn đấu thầu;* *- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.*
28	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. *Chi tiết: Mua bán sắt thép, đồng, nhôm.*
29	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá. *Chi tiết: Môi giới.*
30	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở)
31	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ khác. Tư vấn và chuyển giao công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí.*
32	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Xây dựng trung tâm thương mại*
33	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
34	8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại *Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)*
35	5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng

36	4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)*
37	0121	Trồng cây ăn quả
38	0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
39	0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
40	5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống *Chi tiết: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán café, nước hoa quả, giải khát (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)*
41	0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
42	4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp *Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh).*
43	4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, rau, củ, quả, tươi sống (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh). Bán lẻ sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.*
44	4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ đồ uống, rượu, bia, đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn*
45	4763	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
46	4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).
47	4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
48	4932	Vận tải hành khách đường bộ khác *Chi tiết: đưa đón khách có thu tiền*
49	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày *Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê*
50	7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí *Chi tiết: Cho thuê cần câu cá, thuyền, áo phao*
51	8551	Giáo dục thể thao và giải trí *Chi tiết: Hoạt động thể dục thể thao, gym, hồ bơi, yoga (không hoạt động tại trụ sở)*
52	9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề *Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi trẻ em, tổ hợp trượt nước, hồ bơi cho trẻ em*
53	9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử (không kinh doanh trò chơi có*

		hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng, không kinh doanh trò chơi có tính chất đánh bạc).
54	9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) *Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).*
55	9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu *Chi tiết: Chăm sóc da, Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm (trừ các hoạt động gây chảy máu) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).*
56	8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Quản lý cao ốc, văn phòng, tòa nhà chung cư (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)*
57	8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế *Chi tiết: Bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở)*
58	1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)
59	1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản (không hoạt động tại trụ sở)
60	1030	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)
61	1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
62	8531	Đào tạo sơ cấp *Chi tiết: Dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở)*
63	8552	Giáo dục văn hóa nghệ thuật. *(không hoạt động tại trụ sở).*
64	8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
65	1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hooc môn. (Không hoạt động tại trụ sở)*

3. Thông qua việc sửa đổi Khoản 1 – "Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:" tại Điều 4 - "Mục tiêu hoạt động của Công ty" của Điều lệ Công ty theo danh sách ngành nghề được nêu tại mục 2. Danh sách ngành, nghề kinh doanh sau khi điều chỉnh của Tờ trình này.

4. Thông qua việc giao cho ông Phạm Quốc Khánh – Chủ tịch HĐQT đồng thời là Người đại diện theo pháp luật triển khai các công việc liên quan đến thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau đây:

- Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện các công việc khác liên quan đến việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

- Ông Phạm Quốc Khánh được phép ủy quyền cho cán bộ quản lý hoặc nhân viên cấp dưới thực hiện công việc nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Các TV HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CNT GROUP

Số: 12 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/202/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ tình hình thực tế.

Qua rà soát các nội dung trong Điều lệ Công ty – Công ty cổ phần Tập đoàn CNT, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định về Công ty đại chúng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ Công ty như sau:

Thông qua Điều lệ Công ty (sửa đổi, bổ sung) đính kèm Tờ trình này;

Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty sẽ được thể hiện chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;*
- *Các TV HĐQT, Ban điều hành;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301460120 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

PHỤ LỤC: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

(Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp ngày … tháng … năm 2024)

STT	ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1.	PHẦN MỞ ĐẦU	Điều lệ này được thông qua theo **quyết định** của Đại hội đồng cổ đông được tổ chức vào ngày …. tháng …. năm 2023.	Điều lệ này được thông qua theo **Nghị quyết** của Đại hội đồng cổ đông được tổ chức vào ngày …. tháng …. năm 2023.	Điều chỉnh Mẫu Điều lệ áp dụng đối với công ty đại chúng theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC (Sau đây gọi tắt là "Điều lệ mẫu")
2.	Khoản 1 Điều 1	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT. b. "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty. c. "Địa điểm kinh doanh" là nơi tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc của Chi nhánh. Địa điểm kinh doanh có thể trực thuộc Công ty hoặc trực thuộc Chi nhánh của Công ty. d. "Chi nhánh" là đơn vị phụ thuộc Công ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh.	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này; b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	Điều chỉnh và bổ sung căn cứ theo khoản 1 Điều 1 của Điều lệ mẫu

		e. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này; f. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành. g. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành. h. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu; i. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó tổng giám đốc (Phó giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn; j. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán; k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán; l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	e. đ. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu; g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty; h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty; i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán; j. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần; k. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán; l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua; m. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con. n. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT. o. "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty. p. "Địa điểm kinh doanh" là nơi tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc của Chi nhánh. Địa điểm kinh doanh có thể trực thuộc	

		m. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.	Công ty hoặc trực thuộc Chi nhánh của Công ty. q. "Chi nhánh" là đơn vị phụ thuộc Công ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh. 3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.	
3.	Điều 2	**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty** 1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT** - Tên tiếng Anh: **CNT GROUP CORPORATION** - Tên viết tắt: **CNT GROUP** 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập là 50 năm.	**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty** 1. Tên Công ty - Tên **Công ty** viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT** - Tên **Công ty** viết bằng tiếng nước ngoài: **CNT GROUP CORPORATION** - Tên **Công ty** viết tắt: **CNT GROUP** 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty **là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.**	Bổ sung phù hợp với Điều lệ mẫu
4.	Điều 3	**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty** Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật công ty sẽ do Hội đồng quản trị chỉ định.	**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty** Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật công ty sẽ do Hội đồng quản trị chỉ định.	Bổ sung phù hợp với Điều lệ mẫu

			Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.	
5.	Chương III	**III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY**	**III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**	Sửa lỗi chính tả
6.	Khoản 1 Điều 4	**(Bảng ngành nghề kinh doanh của Công ty được đính kèm ở cuối phụ lục này)**	**(Bảng ngành nghề kinh doanh của Công ty được đính kèm ở cuối phụ lục này)**	Cập nhập đầy đủ các ngành nghề đã đăng ký
7.	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN Khoản 3, khoản 5, khoản 6 Điều 6	**IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP** **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập** 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại 12, Điều 13 Điều lệ này 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán	**IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN** **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần** 3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi **(nếu có)**. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại **Điều 11, Điều 12** Điều lệ này. 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành	Bỏ cụm từ "cổ đông sáng lập" điều chỉnh theo thực tế hoạt động và quy định hiện hành Tại khoản 3, bổ sung thêm chữ (nếu có) để đảm bảo đáp ứng cơ cấu cổ phần tại thời điểm thông qua Điều lệ phù hợp với tình hình thực tế và thay đổi căn cứ pháp lý phù hợp với quy định tại Điều lệ này. Tại khoản 5, khoản 6 Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Điều lệ mẫu

		số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán (Sở giao dịch chứng khoán) theo phương thức đấu giá. **6.** Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại được coi là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.		
8.	Điều 7	**Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu** 2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty theo các quy định tại Luật doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp. 4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí. 5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu	**Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu** 2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra. 4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu của Công ty Đại chúng và Luật Doanh nghiệp Công ty không có chứng chỉ cổ phiếu vô danh

		được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. 6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo. 7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng, phù hợp các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.	a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	
9.	Điều 8	**Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác** Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.	**Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác** Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.	Sửa đổi phù hợp với Điều lệ mẫu
10.	Bỏ Khoản 2, Khoản 4 Điều 9	**Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần** 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán (Sở giao dịch chứng khoán) sẽ được chuyển	**Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần** 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, **đăng ký giao dịch** trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo của các quy định **của pháp luật về**	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu của Công ty Đại chúng

		nhượng theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán (Sở giao dịch chứng khoán). 2 3.Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.	**chứng khoán và thị trường chứng khoán.** 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	
11.	Điều 10	**Điều 10. Thu hồi cổ phần**	**Bỏ điều này**	Quy định thu hồi cổ phần chỉ áp dụng với doanh nghiệp mới thành lập
12.	Bỏ khoản 1 Điều 12 (Điều 11 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 12. Quyền của cổ đông** 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu qua hình thức điện tử các hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành; d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; e. Xem xét, tra cứu và trích lục các	**Điều 11. Quyền của cổ đông** Bỏ khoản 1 Điều 12 Điều lệ hiện hành 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh Nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu và Luật Doanh nghiệp

		thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật doanh nghiệp; i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ tên, địa chỉ thường trú, số Giấy tờ cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ tổ chức đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần	đ. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật doanh nghiệp; i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật; k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: e. Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại	

		của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. b. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ Biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và tài liệu khác, trừ những tài liệu có liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; c. Yêu cầu Ủy ban Kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả Nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật ; 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.	Khoản 3 Điều 115 và Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; f. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ Biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và tài liệu khác, trừ những tài liệu có liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty; g. Yêu cầu Ủy ban Kiểm toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả Nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; h. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; i. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và pháp luật; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử	

		Thủ tục đề cử được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp, Khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.	người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.	
13.	Điều 13 (Điều 12 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 13. Nghĩa vụ cổ đông** Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã	**Điều 12. Nghĩa vụ cổ đông** Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau: 1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. 2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. 3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu và Luật Doanh nghiệp

		đăng ký mua theo quy định. 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. d. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định pháp luật tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác. (Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác)	Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định pháp luật tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác. 6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. 7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: a. Vi phạm pháp luật; b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân	

			khác; c. T hanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty. 8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	
14.	Sửa đổi Khoản 1, 2, 3; Bỏ Khoản 4, Bổ sung điểm d khoản 5 Điều 14 (Điều 13 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông** 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tiến hành dưới hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến kết hợp với bỏ phiếu điện tử theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Căn cứ vào tình hình và nhu cầu thực tế, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quyết định hình thức của cuộc họp. Thể thức và nguyên tắc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định tại Điều 24 của Điều lệ này. 3. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Đại diện tổ chức kiểm toán độc lập có thể được mời tham	**Điều 13. Đại hội đồng cổ đông** 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.** 2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp	Sửa đổi bổ sung theo Điều lệ mẫu và Luật Doanh nghiệp

		dự cuộc họp để cho ý kiến về nội dung báo cáo tài chính trong trường hợp cần thiết hoặc theo quy định bắt buộc của pháp luật. 5. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:	thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; d. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh Nghiệp; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. **Bỏ khoản 4 Điều lệ hiện hành** 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: … d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp	
15.	Điều 15,16 Điều lệ hiện hành (Điều 14,15 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông** **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền:**	**Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông** **Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:**	Sửa đổi nội dung căn cứ theo Điều lệ mẫu

16.	Điều chỉnh Khoản 1 và bổ sung Khoản 2 Điều 17 (Điều 16 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 17. Thay đổi các quyền** 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	**Điều 16. Thay đổi các quyền** 1.Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 2.Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	Điều chỉnh theo Điều lệ mẫu

17.	Khoản 1, Khoản 3, bổ sung Khoản 6 Điều 18 (Điều 17 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này. 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch chứng khoán (Sở giao dịch chứng khoán).	**Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông** 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này. 3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, **Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch**… 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	Điều chỉnh Khoản 1, Khoản 3 và bổ sung khoản 6 Điều 18 căn cứ theo Điều lệ mẫu
18.	Điều 19, Điều 20 Điều lệ hiện hành (Điều 18, Điều 19 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông** **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**	**Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông** **Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**	Điều chỉnh nội dung căn cứ theo Điều lệ mẫu
19.	CHƯƠNG VIII	**CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ, THƯ KÝ CÔNG TY**	**CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**	Sửa đổi tên chương phù hợp với Điều lệ mẫu
20.	Điều 33 (Điều 35 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**	**Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc** 1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

			trong Hội đồng hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc; 2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao. 3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;	

			g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế công ty, Hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị j. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý; k. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; l. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm; m. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; n. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả	

			hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty 5. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. 6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. 7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 126 Luật Doanh Nghiệp.	
21.	Điều 34 (Điều 36 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 34. Thư ký công ty:**	**Điều 36. Thư ký công ty:**	Thay đổi thứ tự điều khoản phù hợp
22.	Thay thế Điều 35 Điều lệ hiện hành sang Điều 32 Dự thảo sửa đổi	**Điều 35. Người phụ trách quản trị công ty**	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	Thay thế Điều 35 Điều lệ hiện hành sang Điều 32 Dự thảo sửa đổi và điều chỉnh phù hợp với Điều lệ mẫu
23.	Lược bỏ Điều 36 và thêm các quy định về Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán và quy định	**Điều 36. Cơ cấu thành phần Ủy ban kiểm toán**	**Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán** 1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.	Sửa đổi theo quy định tại Điều lệ mẫu

	về Thành phần Ủy ban kiểm toán (Điều 37 và Điều 38 Dự thảo sửa đổi)		2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. **Điều 38. Thành phần Ủy ban kiểm toán** 1. Ủy ban kiểm toán bao gồm từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. 2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty, không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật của pháp luật hoặc Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau: a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó; 3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.	
24.	Điều 37 (Điều 39 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 37. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán** Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây: 1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;	**Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán** Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau: 1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản	Sửa đổi bổ sung để làm rõ chức năng, quyền hạn của Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Điều lệ mẫu

		2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; 3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; 4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty; 5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt; 6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán; 7. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.	lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán. 2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán. 3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết. 4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty. 5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.	
25.	Điều 38 (Điều 40 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 38. Cuộc họp Ủy ban kiểm toán:**	**Điều 40. Cuộc họp Ủy ban kiểm toán:**	Thay đổi thứ tự điều khoản phù hợp
26.	Bổ sung quy định về Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy	Không có	**Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:** 1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo	Bổ sung quy định về trách nhiệm báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban

	ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Điều 41 Dự thảo sửa đổi)		hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau: a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán; c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty; d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty; f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;	kiểm toán theo Điều lệ mẫu

			g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông; h. Các nội dung khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.	
27.	CHƯƠNG X	**CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**	**CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**	Sửa đổi tên chương phù hợp với Điều lệ mẫu
28.	Điều 39	**Điều 39 Trách nhiệm cẩn trọng**	**Bỏ tên điều nhưng giữ nguyên nội dung tại Điều này**	Trình bày theo Điều lệ mẫu
29.	Điều 40 (Điều 42 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**	**Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều lệ mẫu

			với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. 5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan. 6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát	

			sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan; c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện. d. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan. 7. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	

30.	Khoản 1, Khoản 2, Điều 41 (Điều 43 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. **2.** Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	**Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và **người điều hành khác** vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.	Sửa đổi phù hợp với quy định tại Điều lệ mẫu
31.	Điều chỉnh Khoản 1, Khoản Điều 42 và bổ sung quy định về ủy quyền tra cứu sổ sách (Điều 44 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ** 1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của	**Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ** 1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc	Bổ sung các quy định để làm rõ phạm vi quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ của các nhóm cổ đông theo quy định tại Điều lệ mẫu

		công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đsở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyềncó quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty 2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ	

			nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này. 5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.	
32.	Khoản 1 Điều 43 (Điều 45 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 43. Công nhân viên và công đoàn** **1.** Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.	**Điều 45. Công nhân viên và công đoàn** 1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động **và người điều hành doanh nghiệp.**	Điều chỉnh phù hợp với thực tế doanh nghiệp
33.	Điều 44 (Điều 46 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 44. Phân phối lợi nhuận** 2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.	**Điều 46. Phân phối lợi nhuận:** 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. 2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu. 3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này. 4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu

			nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán chứng khoán Việt Nam. 5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. 6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.	
34.	CHƯƠNG XIV	**CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**	**CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**	Sửa lại tên chương phù hợp với quy định tại Điều lệ mẫu
35.	Điều 45 (Điều 47 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 45. Tài khoản ngân hàng**	**Điều 45. Tài khoản ngân hàng**	Thay đổi thứ tự điều khoản phù hợp
36.	Điều 46 (Điều 48 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 46. Năm tài chính**	**Điều 48. Năm tài chính**	Thay đổi thứ tự điều khoản phù hợp
37.	Điều 47 (Điều 49 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 47. Chế độ kế toán** 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận. 3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	**Điều 49. Chế độ kế toán** 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận. 2. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế	Sửa đổi phù hợp với Điều lệ mẫu

			toán là đồng Việt Nam. **Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.**	
38.	Điều 48 (Điều 50 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng**	**Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý** 1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo bán niên, báo cáo quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.	Đổi tên điều và sửa đổi nội dung điều khoản phù hợp với Điều lệ mẫu

			5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	
39.	**Điều 49 (Điều 51 Dự thảo sửa đổi)**	**Điều 49. Báo cáo thường niên**	**Điều 51. Báo cáo thường niên**	Thay đổi thứ tự điều khoản phù hợ
40.	**CHƯƠNG XV**	**CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**	**CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.**	Sửa đổi tên chương phù hợp với quy định tại Điều lệ mẫu
41.	**Điều 50 (Điều 52 Dự thảo sửa đổi)**	**Điều 50. Kiểm toán** 2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.	**Điều 52. Kiểm toán** 2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty. 3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. 4. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Sửa đổi theo Điều lệ mẫu
42.	CHƯƠNG XVII	**XVII. CON DẤU**	**XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**	

43.	Điều 51 (Điều 53 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 51. Con dấu** 1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp. 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành	**Điều 53. Dấu của doanh nghiệp** 1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). 3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ mẫu
44.	CHƯƠNG XVIII	**XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**	**XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**	Sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ mẫu
45.	Khoản 1 Điều 52 (Điều 54 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 52. Chấm dứt hoạt động** 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn; b) Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	**Điều 54. Giải thể công ty** 1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác d. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; e. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ mẫu

46.	Điều 56 (Điều 58 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 53. Gia hạn hoạt động** **Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ** **Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**	**Điều 55. Gia hạn hoạt động** **Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ** **Điều 58. Điều lệ công ty**	Điều chỉnh theo Điều lệ mẫu
47.	Khoản 1 Điều 57 (Điều 59 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 57. Ngày hiệu lực** 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT nhất trí thông qua ngày … tháng … năm 202… tại thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này**.**	**Điều 59. Ngày hiệu lực** 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT nhất trí thông qua ngày … tháng … năm 202… tại thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.	Cập nhật số chương của Điều lệ

Ngành nghề kinh doanh tại Điều lệ hiện hành		**Ngành nghề kinh doanh dự kiến sửa đổi**	
Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.	4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.*
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác.	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.*
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.	4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác *Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải.*
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải.	5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa *Chi tiết: Dịch vụ kho bãi.*
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ kho bãi.	4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông *Chi tiết: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động.*
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm

	Chi tiết: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động.		*Chi tiết: Mua bán máy vi tính và linh kiện.*
4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán máy vi tính và linh kiện.	9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình *Chi tiết: Sửa chữa máy điều hòa không khí.*
9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: Sửa chữa máy điều hòa không khí.	0149	Chăn nuôi khác *Chi tiết: Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở).*
0149	Chăn nuôi khác Chi tiết: Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở).	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiểu thủ công nghiệp. Kinh doanh sản phẩm nhựa, cao su. Mua bán giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì PP-PE. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hạt nhựa.*
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiểu thủ công nghiệp. Kinh doanh sản phẩm nhựa, cao su. Mua bán giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì PP-PE. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hạt nhựa.	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Kinh doanh máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công. Mua bán thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô.* *Buôn bán thiết bị máy móc ngành công nghiệp nặng liên quan đến ngành dầu khí.*
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công. Mua bán thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô. Buôn bán thiết bị máy móc ngành công nghiệp nặng liên quan đến ngành dầu khí.	4541	Bán mô tô, xe máy *Chi tiết: Kinh doanh xe máy.*
4541	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Kinh doanh xe máy.	4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

			Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử, gốm sứ. Mua bán thiết bị điện lạnh – điện gia dụng, bếp cảm ứng từ. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể dục thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao). Mua bán đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, Bột giặt, nước rửa chén, dầu gội đầu, kem đánh răng các loại và các loại hàng tạp hóa khác, đồ dùng nội thất, hóa mỹ phẩm.
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử, gốm sứ. Mua bán thiết bị điện lạnh – điện gia dụng, bếp cảm ứng từ. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể dục thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao). Mua bán đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế.	5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. *Chi tiết: Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.*
5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.	6190	Hoạt động viễn thông khác *Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.*
6190	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. *Chi tiết: Lắp đặt máy điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại tại trụ sở.*
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí. Chi tiết: Lắp đặt máy điều hòa không khí.	0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. *Chi tiết: Khai thác mỏ.*
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. Chi tiết: Khai thác mỏ.	4633	Bán buôn đồ uống. *Chi tiết: Mua bán đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)*
4633	Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)	4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép *Chi tiết: Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải.*
4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

	Chi tiết: Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải.		*Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay.*
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay.	4632	Bán buôn thực phẩm. *Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán buôn sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.*
4632	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm.	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bằng gỗ, bao bì từ plastic (trừ luyện, cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở.)*
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bằng gỗ, bao bì tư plastic (trừ luyện, cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở.)	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất *Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản.*
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá bất động sản, quản cáo bất động sản.	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. *Chi tiết: Khai thác đá, sỏi xây dựng, cát xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).*
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá, sỏi xây dựng, cát xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).	7310	Quảng cáo. *Chi tiết: Quảng cáo thương mại.*
7310	Quảng cáo. Chi tiết: Quảng cáo thương mại.	6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).*
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính - kế toán).	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. *Chi tiết: Lập dự án đầu tư.* *- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;* *- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;* *- Tư vấn đấu thầu;* *- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.*
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.	4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

	Chi tiết: Lập dự án đầu tư. - Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Tư vấn đấu thầu; - Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.		*Chi tiết: Mua bán sắt thép, đồng, nhôm.*
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Mua bán sắt thép, đồng, nhôm.	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá. *Chi tiết: Môi giới.*
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Môi giới.	4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở)
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở)	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ khác. Tư vấn và chuyển giao công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí.*
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ khác. Tư vấn và chuyển giao công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí.	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Xây dựng trung tâm thương mại*
		5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
		8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại *Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)*
		5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
		4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số*

			79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)
		0121	Trồng cây ăn quả
		0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
		0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
		5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống *Chi tiết: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán café, nước hoa quả, giải khát (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)*
		0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
		4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp *Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh).*
		4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, rau, củ, quả, tươi sống (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh). Bán lẻ sữa, thực phẩm chức năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe.*
		4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ đồ uống, rượu, bia, đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn*
		4763	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
		4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách,

			sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).
		4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
		4932	Vận tải hành khách đường bộ khác *Chi tiết: đưa đón khách có thu tiền*
		5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày *Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê*
		7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí *Chi tiết: Cho thuê cần câu cá, thuyền, áo phao*
		8551	Giáo dục thể thao và giải trí *Chi tiết: Hoạt động thể dục thể thao, gym, hồ bơi, yoga (không hoạt động tại trụ sở)*
		9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề *Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi trẻ em, tổ hợp trượt nước, hồ bơi cho trẻ em*
		9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng, không kinh doanh trò chơi có tính chất đánh bạc).*
		9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) *Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).*
		9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu *Chi tiết: Chăm sóc da, Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm (trừ các hoạt động gây chảy máu) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo*

			quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).
		8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Quản lý cao ốc, văn phòng, tòa nhà chung cư (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)*
		8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế *Chi tiết: Bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở)*
		1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)
		1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản (không hoạt động tại trụ sở)
		1030	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)
		1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
		8531	Đào tạo sơ cấp *Chi tiết: Dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở)*
		8552	Giáo dục văn hóa nghệ thuật. *(không hoạt động tại trụ sở).*
		8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
		1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hooc môn. (Không hoạt động tại trụ sở)*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

****

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
Tổ chức và hoạt động

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng …. năm 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty 6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 11
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN 11
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 11
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 12
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 12
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 12
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 12
Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 12
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 13
Điều 11. Quyền của cổ đông 13
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông 14
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 16
Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 18
Điều 16. Thay đổi các quyền 18
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 23
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 23
Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 25
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 26
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 26
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 26
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 28
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 28
Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 30
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị 30
Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 31
Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 33
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 34
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 34
Điều 34. Người điều hành công ty 34

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 35
Điều 36. Thư ký Công ty 36
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN 37
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán 37
Điều 38. Thành phần Ủy ban kiểm toán 37
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán 37
Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán 38
Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: 38
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 39
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 39
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 40
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 40
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 40
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 41
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 41
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 41
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 41
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 42
Điều 47. Tài khoản ngân hàng 42
Điều 48. Năm tài chính 42
Điều 49. Chế độ kế toán 42
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 43
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý 43
Điều 51. Báo cáo thường niên 43
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 43
Điều 52. Kiểm toán 43
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 44
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp 44
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 44
Điều 54. Giải thể công ty 44
Điều 55. Gia hạn hoạt động 44
Điều 56. Thanh lý 44
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 45
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ 45
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 45
Điều 58. Điều lệ công ty 45
XXI. NGÀY HIỆU LỰC 46
Điều 59. Ngày hiệu lực 46

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được tổ chức vào ngày …. tháng …. năm 2024.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
   a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
   b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
   d. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
   đ. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
   e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
   g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
   h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
   i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
   k. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
   l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

m. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

n. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

o. "Công ty" có nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

p. "Hội đồng" có nghĩa là Hội đồng Quản trị của Công ty.

q. "Địa điểm kinh doanh" là nơi tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc của Chi nhánh. Địa điểm kinh doanh có thể trực thuộc Công ty hoặc trực thuộc Chi nhánh của Công ty.

f. "Chi nhánh" là đơn vị phụ thuộc Công ty, được thành lập hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc nước ngoài, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành nghề kinh doanh của Chi nhánh.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

   - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT**
   - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **CNT GROUP CORPORATION**
   - Tên Công ty viết tắt: **CNT GROUP**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

   - Địa chỉ trụ sở chính: 9-19 (Lầu 2) Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
   - Điện thoại: (84-8) 3829 5604 – 3829 5488 – 3821 3189
   - Fax: (84-8) 3821 1096
   - E-mail: cnt@cnt.com.vn ; info@cnt.com.vn
   - Website: www.cnt.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để

thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật công ty sẽ do Hội đồng quản trị chỉ định.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4663 (Chính)	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *Chi tiết: Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng.*
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê *Chi tiết: Đầu tư kinh doanh nhà. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.*
4530	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác *Chi tiết: Kinh doanh thiết bị, phụ tùng và phương tiện vận tải.*
5210	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa *Chi tiết: Dịch vụ kho bãi.*
4652	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông *Chi tiết: Mua bán thiết bị viễn thông, điện thoại di động.*
4651	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm *Chi tiết: Mua bán máy vi tính và linh kiện.*
9522	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình *Chi tiết: Sửa chữa máy điều hòa không khí.*
0149	Chăn nuôi khác *Chi tiết: Chăn nuôi gia súc, gia cầm (không chăn nuôi tại trụ sở).*
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Kinh doanh hàng trang trí nội thất, chất phụ gia bê tông, nguyên vật liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất, thiết bị máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công, hàng tiểu thủ công nghiệp. Kinh doanh sản phẩm nhựa, cao su. Mua bán giấy và phụ liệu ngành giấy, hóa chất (trừ*

	hóa chất có tính độc hại mạnh), bao bì PP-PE. Mua bán phế liệu (không hoạt động tại trụ sở), hạt nhựa.
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác *Chi tiết: Kinh doanh máy móc phương tiện vận tải phục vụ thi công. Mua bán thiết bị thông gió, thiết bị làm lạnh tàu biển-tàu hỏa-ô tô.* *Buôn bán thiết bị máy móc ngành công nghiệp nặng liên quan đến ngành dầu khí.*
4541	Bán mô tô, xe máy *Chi tiết: Kinh doanh xe máy.*
4511	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. *Chi tiết: Kinh doanh hàng điện tử, gốm sứ. Mua bán thiết bị điện lạnh – điện gia dụng, bếp cảm ứng từ. Mua bán thiết bị và dụng cụ thể dục thể thao (trừ vũ khí thô sơ, súng đạn thể thao). Mua bán đồ giải trí gia đình, đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế. Bán buôn, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm về sinh, Bột giặt, nước rửa chén, dầu gội đầu, kem đánh răng các loại và các loại hàng tạp hóa khác, đồ dùng nội thất, hóa mỹ phẩm.*
5221	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. *Chi tiết: Dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng hóa.*
6190	Hoạt động viễn thông khác *Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính viễn thông.*
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí. *Chi tiết: Lắp đặt máy điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại tại trụ sở.*
0990	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác. *Chi tiết: Khai thác mỏ.*
4633	Bán buôn đồ uống. *Chi tiết: Mua bán đồ uống không cồn, đồ uống có cồn (không kinh doanh dịch vụ ăn uống)*
4641	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép *Chi tiết: Mua bán quần áo may sẵn, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động, giày dép, túi xách, vải.*
5229	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. *Chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Đại lý bán vé tàu, vé máy bay.*
4632	Bán buôn thực phẩm. *Chi tiết: Mua bán lương thực, thực phẩm. Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột. Bán*

	buôn sữa, thực phẩm chứng năng, sản phẩm chăm sóc sức khỏe. (không hoạt động tại trụ sở).
3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bằng gỗ, bao bì tư plastic (trừ luyện, cán cao su, tái chế phế thải, sản xuất bột giấy, chế biến gỗ tại trụ sở.)*
6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất *Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, quản lý bất động sản, đấu giá bất động sản, quản cáo bất động sản.*
0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. *Chi tiết: Khai thác đá, sỏi xây dựng, cát xây dựng (không hoạt động tại trụ sở).*
7310	Quảng cáo. *Chi tiết: Quảng cáo thương mại.*
6619	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).*
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. *Chi tiết: Lập dự án đầu tư.* *- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;* *- Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;* *- Tư vấn đấu thầu;* *- Kiểm định chất lượng công trình xây dựng.*
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. *Chi tiết: Mua bán sắt thép, đồng, nhôm.*
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa *Chi tiết: Môi giới.*
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. (trừ lúa, thóc, gạo, đường mía và không hoạt động tại trụ sở)
7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ khác. Tư vấn và chuyển giao công nghệ vận hành nhà máy ngành dầu khí.*
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, dân dụng, đường dây, trạm biến áp và các công trình xây dựng khác. Xây dựng trung tâm thương mại*
5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

8230	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại *Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim, ảnh)*
5621	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng
4721	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh)*
0121	Trồng cây ăn quả
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
0141	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò
5630	Dịch vụ phục vụ đồ uống *Chi tiết: Hoạt động chế biến và phục vụ đồ uống cho khách hàng tiêu dùng tại chỗ, quán café, nước hoa quả, giải khát (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)*
0145	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn
4719	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp *Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (trừ bán lẻ bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh).*
4722	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm, rau, củ, quả, tươi sống (thực hiện theo quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm tại TP. Hồ Chí Minh).*
4723	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh *Chi tiết: Bán lẻ đồ uống, rượu, bia, đồ uống có cồn, đồ uống không có cồn*
4763	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh
4764	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh
4932	Vận tải hành khách đường bộ khác

	Chi tiết: đưa đón khách có thu tiền
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày *Chi tiết: Khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, nhà nghỉ du lịch, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê*
7721	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí *Chi tiết: Cho thuê cần câu cá, thuyền, áo pháo*
8551	Giáo dục thể thao và giải trí *Chi tiết: Hoạt động thể dục thể thao, gym, hồ bơi, yoga (không hoạt động tại trụ sở)*
9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề *Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi trẻ em, tổ hợp trượt nước, hồ bơi cho trẻ em*
9329	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ trò chơi điện tử (không kinh doanh trò chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội và không kinh doanh trò chơi có thưởng, không kinh doanh trò chơi có tính chất đánh bạc).*
9610	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) *Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).*
9631	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu *Chi tiết: Chăm sóc da, Massage mặt, làm móng chân, móng tay, trang điểm (trừ các hoạt động gây chảy máu) (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động).*
8299	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Quản lý cao ốc, văn phòng, tòa nhà chung cư (trừ dịch vụ lấy lại tài sản)*
8610	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế *Chi tiết: Bệnh viện (không hoạt động tại trụ sở)*
1010	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở)
1020	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản (không hoạt động tại trụ sở)
1030	Chế biến và bảo quản rau quả (không hoạt động tại trụ sở)
1075	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
8522	Giáo dục trung học cơ sở (không hoạt động tại trụ sở)
8531	Đào tạo sơ cấp

	Chi tiết: Dạy nghề (không hoạt động tại trụ sở)
8552	Giáo dục văn hóa nghệ thuật (không hoạt động tại trụ sở)
8560	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
1079	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hooc môn. (Không hoạt động tại trụ sở)*

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh các loại sản phẩm về xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký trên Cổng thông tin điện tử quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là **400.150.690.000 VND** (Bốn trăm tỷ một trăm năm mươi triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng chẵn).

   Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 40.015.069 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận

lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
    a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
    b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo của các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Công ty tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ủy ban kiểm toán (trực thuộc Hội đồng quản trị);
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
   a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
   b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
   d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh Nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
   e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
   f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
   g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
   h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật doanh nghiệp;
   i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
   j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
   k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp
   l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
   a. Yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy

định tại Khoản 3 Điều 115 và Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ Biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và tài liệu khác, trừ những tài liệu có liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả Nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e. Các quyền khác được quy định của pháp luật và Điều lệ này;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định pháp luật tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi cho các tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
   a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
   c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
   a. Vi phạm pháp luật;
   b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
   c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh Nghiệp;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b và điểm d khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c khoản 4 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

c. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như nêu trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh Nghiệp

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật;

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Thông qua các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

d. Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại;

e. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

f. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;

g. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

i. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở

lên của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

p. Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

s. Các vấn đề khác theo quy định tại pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

   Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

   a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

   Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung

làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và 20 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
   a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
   c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
   d. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
   e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
   f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
   g. Cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông

trực tuyến, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

   a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

   b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

   c. Phiếu biểu quyết;

   d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

   e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

   a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều này;

   b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

   c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

   d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
   a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
   b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
   a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên khác nhau làm Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.
   b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc;

tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
   a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
   b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
   c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
   d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
   e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số Doanh nghiệp và ngày cấp Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số Doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu

trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc công bố thông tin và đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

   d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

   e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

   f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

   g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

   h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

   i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

   Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên

bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b. Trình độ chuyên môn;
   c. Quá trình công tác;
   d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
   e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
   f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
   g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

   Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên..

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;

c. Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát (nếu có) của Công ty trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội cổ đông sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ hoạt động.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

   Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;

   Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

   a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

   b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

   c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

   a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

   b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

   c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 27. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
   b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
   c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
   e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
   f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
   a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
   b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
   c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành

viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến với các thành viên Hội đồng quản trị.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
    a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
    b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
    c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
    d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Biên bản họp Hội đồng quản trị:
    - Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty.
    - Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có nội dung chủ yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và Tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực ưu tiên áp dụng.
    - Biên bản họp HĐQT phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.
14. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị: Trong trường hợp Chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản này có hiệu lực.

15. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

a. Sau mỗi kỳ họp các quyết định của Hội đồng quản trị phải gửi đến tất cả các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc trong vòng 24 giờ kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định.

b. Nghị quyết HĐQT được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của Công ty.

c. Nghị quyết HĐQT lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nghị quyết HĐQT lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Nghị quyết Tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong Nghị quyết tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

   a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản Điều 24 Điều lệ này;

   b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên trong các trường hợp sau đây:

   a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3;

   b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của

tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
   a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
   b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
   c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
   d. Tham dự các cuộc họp;
   e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
   f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
   g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
   h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
   i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
   j. Quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và quy định pháp luật hiện hành.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có 01 (một) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và (01) một Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 34. Người điều hành công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm những người được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 1 của Điều lệ này.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên trong Hội đồng hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc;
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
   a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
   b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
   c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
   d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
   e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
   f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
   g. Tuyển dụng lao động;
   h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
   i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế công ty, Hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị
   j. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp

đồng lao động của cán bộ quản lý;

k. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

l. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

m. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

n. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty

5. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

7. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc theo quy định tại Điều 126 Luật Doanh Nghiệp.

Điều 36. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Công ty có trách nhiệm:

1. Thừa hành Hội đồng quản trị để thực hiện công tác triệu tập, chuẩn bị hậu cần, tổng hợp tài liệu tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;

2. Tham dự, ghi chép Biên bản các cuộc Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Thư ký Công ty phải ký tên vào các Biên bản cuộc họp và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung trong các Biên bản;

3. Hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các chức năng, quyền hạn được giao;

4. Quản lý, lưu trữ, bảo mật, trích xuất và cung cấp (khi cần thiết) đối với các thông tin về quản trị Công ty; bản sao Biên bản cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị; thông tin về cổ đông, danh sách cổ đông; và các thông tin khác

có liên quan đến tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của Công ty;

5. Chịu sự chỉ đạo, điều phối từ Phụ trách Quản trị Công ty trong việc triển khai các chức năng của Phụ trách Quản trị Công ty;
6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và quy định pháp luật.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 38. Thành phần Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán bao gồm từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty, không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật của pháp luật hoặc Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
   a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
   b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách

nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 40. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên và biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số các thành viên dự họp tán thành, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 41. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
    a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
    b. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
    c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
    d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
    e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;
    f. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
    g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông;
    h. Các nội dung khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
    a. Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
    b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần

nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

d. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông

tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đsở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên này có quyền trực tiếp hoặc thông qua người được uỷ quyềncó quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên, quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo bán niên, báo cáo quý của Công ty phải được công bố trên website của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
4. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
   a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
   b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác
   d. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
   e. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
   f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
   a. Các chi phí thanh lý;
   b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
   c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
   d. Các khoản vay (nếu có);
   e. Các khoản nợ khác của Công ty;
   f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:
   a. Cổ đông với Công ty;
   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

   Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ủy ban kiểm toán chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.
3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT nhất trí thông qua ngày … tháng … năm 2024 tại thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
   a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
   b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Uỷ ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
   c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty

PHẠM QUỐC KHÁNH

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

CNT GROUP

Số: 13 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v: Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/202/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ tình hình thực tế.

Qua rà soát các nội dung trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty – Công ty cổ phần Tập đoàn CNT, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định về Công ty đại chúng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

1. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung) đính kèm Tờ trình này;

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sẽ được thể hiện chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Các TV HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301... CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

PHỤ LỤC: NỘI DUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

(Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp ngày … tháng … năm 2024)

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1.	Căn cứ pháp lý	(Ban hành kèm Nghị quyết số: 01/ĐHĐCĐ-NQ/2022 ngày 18 tháng 03 năm 2022 của ĐHĐCĐ)	-Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; -Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; -Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; -Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; -Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CNT -Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2024 Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm các nội dung sau:	Cập nhật căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông mới nhất và các văn bản pháp luật hiện hành theo Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC (Sau đây gọi tắt là "Quy chế mẫu")
2.	Khoản 1, Điều 1	**Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh** 1. Quy chế này được ban hành dựa trên Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT, Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ tốt nhất về quản trị Công ty đại chúng được khuyến nghị thực hiện. 2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng** 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật. Đồng thời,	Điều chỉnh tên và nội dung Điều 1 phù hợp với Quy chế mẫu

		đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán và cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT. 3. Những nội dung chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có sự mâu thuẫn với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty thì được ưu tiên điều chỉnh bởi những quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. 4. Quy chế này được áp dụng trong mọi phạm vi và cấp độ quản trị, điều hành hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.	Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán và cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT. 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan	
3.	Khoản 13 Điều 2	**Điều 2. Giải thích thuật ngữ** 13. "TTLKCK" nghĩa là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	**Điều 2. Giải thích thuật ngữ** 13. "VSDC" nghĩa là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam	Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam hiện đã được đổi tên thành Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
4.	Chương II	**Điều 3. Mô hình tổ chức, quản lý và hoạt động của Công ty**	**Bỏ**	Không phù hợp với Quy chế mẫu
5.	Chương II	**ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**	**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**	Điều chỉnh tên chương
6.	Chương II	Các điều bắt đầu từ Điều 4	Các điều bắt đầu từ Điều 3	Do bỏ Điều 3 của Quy chế hiện hành
7.	Khoản 2 Điều 4	**Điều 4. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông** 2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty là căn	**Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông** 2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và danh sách cổ đông do VSDC cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.	Căn cứ theo Khoản 13 Điều 2. Giải thích thuật ngữ

		cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.		
8.	Bổ sung quy định về Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (Điều 5 Dự thảo sửa đổi)	**Không có.**	**Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông** 1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Thông qua định hướng phát triển của công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty; i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty; k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán; l) Phê duyệt quy chế nội bộ quản trị; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán; m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực	Bổ sung Điều 5 căn cứ theo khoản 1 Điều 2 Quy chế mẫu

			hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	
9.	Điều 6	**Điều 6. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ** 1. Hội đồng quản trị triệu tập ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường theo các trường hợp được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Trình tự, thủ tục triệu tập các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ bất thường phải được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty. 2. Người triệu tập ĐHĐCĐ có thể tự mình hoặc thông qua những người được phân công, phụ trách thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp; d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; e) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT; f) Xác định thời gian và địa điểm họp; g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định; h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp. 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ. Công ty thực hiện công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự	**Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông** Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và các nội dung liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định từ Điều 13 đến Điều 20, Điều 22 Điều lệ Công ty và quy định tại Quy chế này.	Điều chỉnh phù hợp với Quy chế mẫu

		ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông dựa trên dữ liệu mà Trung tâm lưu ký Chứng khoán cung cấp trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng. 4. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. 5. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Giao dịch chứng khoán (Sở giao dịch chứng khoán). Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:		

		a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị; c) Phiếu biểu quyết; d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/trực tuyến kết hợp với trực tiếp và bỏ phiếu điện tử. a) Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty; Khoản 5 Điều 6 Quy chế này. b) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến và bỏ phiếu điện tử phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận. c) Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức của từng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.		

		d) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty, Điều 8 Quy chế này và những cách thức khác được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.		
10.	Điều 7	**Điều 7. Tham dự Cuộc họp ĐHĐCĐ** 1. Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông dự họp có quyền trực tiếp tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự, biểu quyết tại cuộc họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. 2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ có thể được thực hiện theo một trong các hình thức sau: a) Cổ đông lập Giấy ủy quyền bằng văn bản với hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật dân sự; b) Cổ đông sử dụng Giấy ủy quyền theo mẫu của Công ty được gửi kèm theo thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Đồng thời phải có chữ ký theo quy định sau đây: - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân được ủy quyền dự họp;	**Điều 7. Thông báo và đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông** 1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty. Nếu trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có quy định thời gian, cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. 2. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của Pháp luật và Điều 15 Điều lệ công ty. Trường hợp văn bản ủy quyền không thể hiện rõ nội dung, phạm vi, số lượng của phần ủy quyền thì ủy quyền đó được xem là ủy quyền toàn bộ.	Tham chiếu theo Điều lệ Công ty

		- Trường hợp cổ đông pháp nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông pháp nhân và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của pháp nhân được ủy quyền dự họp; 3. Việc chỉ định đại diện theo ủy quyền của Cổ đông trong các trường hợp khác ngoài Khoản 2 Điều này phải được thực hiện bằng văn bản giấy với nội dung đáp ứng các quy định tại pháp luật dân sự hiện hành. 4. Khi tham dự Hội nghị trực tiếp, cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải mang theo và xuất trình Thông báo mời họp, Giấy tờ chứng thực cá nhân, Giấy ủy quyền (hoặc Văn bản ủy quyền, hoặc Thông báo ủy quyền) và các giấy tờ liên quan khác (nếu có) để Ban Tổ chức kiểm tra và thực hiện thủ tục đăng ký tham dự Cuộc họp.		
11.	Điều 8	**Điều 8. Trình tự cuộc họp ĐHĐCĐ**	Bỏ nội dung này	Đã có nội dung này trong Điều 6 Dự thảo sửa đổi
12.	Điều 9 Quy chế hiện hành (Điều 8 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 9. Cách thức biểu quyết, bầu cử trong cuộc họp ĐHĐCĐ** 1. Cách thức biểu quyết tại hội nghị trực tiếp: a) ĐHĐCĐ tiến hành biểu quyết từng nội dung do HĐQT trình tại Hội nghị theo sự điều hành của Chủ tọa; b) Đối với từng nội dung, Chủ tọa sẽ lần lượt đề nghị cổ đông cho ý kiến biểu quyết theo thứ tự sau: Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến;	**Điều 8. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết** 1. Phiếu biểu quyết được gửi tới cổ đông kèm theo thư mời họp hoặc phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc bằng hình thức điện tử. 2. Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu đặt tại phòng họp hoặc sử dụng biểu quyết hình thức bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác do công ty cung cấp. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của cổ đông hoặc được	Rút gọn nội dung và thay đổi tên Điều 9 Quy chế hiện hành thành Điều 8 Dự thảo sửa đổi

		c) Cổ đông biểu quyết từng vấn đề bằng cách chọn phương án biểu quyết trong Phiếu biểu quyết và bỏ vào Thùng phiếu hoặc giơ Phiếu biểu quyết theo hiệu lệnh từ Chủ tọa, hoặc người do Chủ tọa ủy quyền; d) Ban kiểm phiếu và những nhân sự hỗ trợ việc kiểm phiếu sẽ thu thập ý kiến biểu quyết cổ đông đối với từng nội dung, theo thứ tự sau: Đếm Phiếu biểu quyết tán thành, sau đó đếm Phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng đếm Phiếu biểu quyết không có ý kiến. 2. Cách thức bầu cử tại hội nghị trực tiếp: a) Việc bầu cử được thực hiện trên nguyên tắc bỏ phiếu kín vào Thùng phiếu; b) Cổ đông thực hiện bầu cử theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc bầu dồn phiếu. Đối với phương thức bầu dồn phiếu thì thực hiện theo nguyên tắc sau, cụ thể: - Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) của cổ đông nhân với số ứng viên trong danh sách cần bầu; - Cổ đông có thể chia tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên, hoặc không bầu cho ứng viên nào (bỏ phiếu trống); - Người trúng cử được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu; - Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho	xác thực bằng hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu 3. Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa sẽ tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết. 4. Khi thực hiện kiểm phiếu, các ý kiến biểu quyết không có ý kiến không được tính vào số phiếu tán thành. 5. Chủ tọa Đại hội sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại Đại hội. 6. Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.	

		thành viên cuối cùng thì ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu lại thành viên đó trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. c) Việc quyết định phương thức bầu cử khác ngoài phương thức bầu dồn phiếu phải được ĐHĐCĐ thông qua và phải được cập nhật, bổ sung vào Điều lệ Công ty. 3. Ngoài phương thức bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông (hình thức hội nghị trực tiếp), với việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: a) Cổ đông tiến hành đăng ký cổ đông trên hệ thống trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo thông tin đăng nhập Công ty cung cấp. Khi cổ đông tiến hành biểu quyết trực tuyến, số phiếu "Tán thành", "Không tán thành", "Không ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên đều được ghi nhận trên hệ thống trực tuyến này. b) Nếu có phát sinh các nội dung ngoài chương trình đại hội đã gửi cho cổ đông, cổ đông có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu cổ đông không biểu quyết, bầu cử với những nội dung phát sinh thì phiếu biểu quyết, bầu cử của cổ đông được coi là không thu về đối với những nội dung này. Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử; biểu quyết, bầu cử bổ sung những nội dung phát sinh, và hệ thống trực tuyến chỉ sử dụng kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử. c) Việc kiểm phiếu đối với những đại biểu tham dự hội nghị trực tiếp (nếu có) tuân theo		

		quy định tại Điểm d Khoản 1 và Điểm b Khoản 2 Điều này. Đối với đại biểu bỏ phiếu điện tử, hệ thống trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tự động cập nhật và ghi nhận kết quả cuối cùng tại thời điểm kết thúc việc biểu quyết, bầu cử theo quy định. d) Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa hoặc trưởng ban kiểm phiếu công bố sau khi có kết quả kiểm phiếu và trước khi bế mạc đại hội.		
13.	Bổ sung quy định về Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ vào Điều 9. Dự thảo sửa đổi	**Không có**	**Điều 9. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ** Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty. 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	Bổ sung theo yêu cầu của Quy chế mẫu
3.	Điều 10	**Điều 10. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ**	**Bỏ nội dung này**	Đã có nội dung này trong Điều 6 Dự thảo sửa đổi
4.	Khoản 2 Điều 13 (Điều 11	**Điều 11. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản** 2. Trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản; Phương thức biểu quyết bằng văn bản; và Trình tự triển khai việc kiểm phiếu	**Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**	Điều chỉnh tên và trích dẫn điều khoản căn cứ

	Quy chế hiện hành)	đối với các ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.	2. Trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản; Phương thức biểu quyết bằng văn bản; và Trình tự triển khai việc kiểm phiếu đối với các ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.	theo Điều lệ công ty
5.	Bổ sung **các quy định về hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác** Điều 11 và Điều 12 Dự thảo sửa đổi	**Không có quy định**	**Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đông cổ đồng trực tuyến** **Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đông cổ đồng trực tiếp kết hợp với trực tuyến**	Bổ sung theo yêu cầu của Quy chế mẫu
6.	Bổ sung Vai trò, quyền và nghĩa vụ của HĐQT, trách nhiệm của thành viên HĐQT Điều 13 Dự thảo sửa đổi	**Không có quy định**	**Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị** Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 42 và Điều 43 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan	Bổ sung theo Quy chế mẫu
7.	Điều 12 Quy chế hiện hành	**Điều 12. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT**	Bỏ điều 12	Nội dung này đã có trong Điều 14 Dự thảo sửa đổi

8.	Điều 13	**Điều 13. Thành phần, cơ cấu, nhiệm kỳ và cơ chế hoạt động của HĐQT** 1. Thành phần và cơ cấu HĐQT: a) Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là 03 người và nhiều nhất 11 người. ĐHĐCĐ sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ; b) Số lượng thành viên HĐQT không điều hành chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên HĐQT; c) Số lượng thành viên HĐQT độc lập chiếm ít nhất 1/5 tổng số thành viên HĐQT; d) Số lượng thành viên HĐQT độc lập, thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn lên đến số nguyên gần nhất. 2. Nhiệm kỳ của HĐQT: a) Nhiệm kỳ của HĐQT là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; b) Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi ĐHĐCĐ bầu HĐQT mới để tiếp quản công việc; c) Thành viên HĐQT độc lập không được tại nhiệm quá 02 nhiệm kỳ liên tục. 3. Cơ chế hoạt động của HĐQT: a) HĐQT là cơ quan trung tâm trong hệ thống quản trị nội bộ Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc ĐHĐCĐ. Các hoạt động quản trị - điều hành của Ban Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý khác phải chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT;	**Điều 14. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị** 1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: a) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội cổ đông sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ hoạt động 2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị; Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau: - Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;	Sửa đổi bổ sung nội dung của Điều 13 Quy chế hiện hành thành Điều 14 Dự thảo sửa đổi, đáp ứng các nội dung của Quy chế mẫu

		b) HĐQT làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo nguyên tắc đa số. Nghị quyết của HĐQT được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành; c) HĐQT phân cấp và/hoặc phân công cho một số thành viên HĐQT thực hiện toàn bộ hoặc một phần thẩm quyền, hạn mức phê duyệt và chức năng, nhiệm vụ của HĐQT; HĐQT xây dựng và ban hành Quy chế Hoạt động của HĐQT quy định cụ thể về cơ chế thành lập, chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.	- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; - Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên b) Thànhviên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: - Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan; - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác; - Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác. c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: - Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;	

			- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty; - Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát (nếu có) của Công ty trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ	
9.	Điều 14 Quy chế hiện hành (Điều 15 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 14. Thủ tục đề cử, bầu cử và chấm dứt tư cách thành viên HĐQT** 1. Cách thức đề cử ứng viên HĐQT: a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông, nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết từ 10% trở lên thì có quyền đề cử ứng viên HĐQT theo cơ chế sau: - Từ 10% đến dưới 20% được đề cử 01 ứng viên; - Từ 20% đến dưới 30% được đề cử 02 ứng viên; - Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; - Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; - Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; - Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 ứng viên; - Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 ứng viên; - Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 ứng viên. b) Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông tại điểm a khoản này không đề cử đủ số lượng	**Điều 15. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị** 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ chuyên môn; c. Quá trình công tác; d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức	Điều chỉnh bổ sung nội dung theo yêu cầu của Quy chế mẫu

		ứng viên cần thiết, HĐQT đương nhiệm sẽ tiến hành đề cử bổ sung. 2. Hồ sơ cần thiết đề cử ứng viên HĐQT: a) Thành phần hồ sơ khi đề cử ứng viên HĐQT bao gồm: - Phiếu đề cử hợp lệ, theo mẫu do Công ty ban hành; - Sơ yếu lý lịch của ứng viên, chứa các thông tin cơ bản gồm: Thông tin cá nhân (họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ cư trú, giấy tờ chứng thực cá nhân); Quá trình công tác; Số cổ phần mà ứng viên nắm giữ tại Công ty; Bảng kê khai thông tin người có liên quan của ứng viên và số cổ phần nắm giữ của từng người; - Bản cam kết của ứng viên về việc: i) Xác nhận và chịu trách nhiệm về sự trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân, trình độ chuyên môn, năng lực nghề nghiệp do mình cung cấp; ii) Hiểu rõ và đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm của mình trong HĐQT nếu được bầu làm thành viên HĐQT; và iii) Làm việc trên cơ sở trung thực, trung thành, cẩn trọng, có thiện chí và vì lợi ích cao nhất của Công ty và tất cả cổ đông nếu được bầu làm thành viên HĐQT; - Bản sao y chứng thực các giấy tờ, tài liệu liên quan đến ứng viên, gồm: Giấy tờ chứng thực cá nhân (CMND/CCCD/Hộ chiếu); Hộ khẩu hoặc giấy tờ xác nhận nơi cư trú; Bằng cấp, chứng chỉ liên quan đến trình độ chuyên môn (nếu có); b) Trường hợp ứng viên do cổ đông, nhóm cổ đông đề cử, thì ngoài hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cổ đông, nhóm cổ đông đề cử còn phải cung cấp:	danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể như sau: Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật. 4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay và bổ sung	

		- Danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử; - Giấy xác nhận số cổ phần mà cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu hoặc giấy tờ tương đương của Công ty Chứng khoán nơi cổ đông, nhóm cổ đông đó mở tài khoản hoặc của Trung tâm lưu ký chứng khoán (tính đến ngày chốt danh sách cổ đông); - Biên bản họp nhóm cổ đông, trong trường hợp ứng viên do nhóm cổ đông đề cử; 3. Thông tin về các ứng viên HĐQT phải được đăng tải trên website của Công ty tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ, để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bầu cử. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm: a) Thông tin cá nhân (chỉ bao gồm những thông tin để xác định danh tín của ứng viên, không bao gồm thông tin liên lạc của ứng viên đó); b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Thông tin về người có liên quan. 4. Cơ chế bầu cử HĐQT: Việc bầu cử thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức biểu quyết theo tỷ lệ sở hữu hoặc bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 2 Điều 9 Quy chế này. 5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp	Thành viên HĐQT a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây: - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản Điều 24 Điều lệ Công ty; - Có đơn từ chức và được chấp thuận. b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng. c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này. d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên trong các trường hợp sau đây: - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3; - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty. e) Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.	

		cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d) Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống; e) Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ.	5. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị Các trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 28 và Khoản 1 Điều 29 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.	
10.	Bổ sung quy định về Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị Điều 18 Dự thảo sửa đổi	**Không có**	**Điều 16. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị** Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Thành viên HĐQT tuân thủ quy định tại Điều 28 Điều lệ và Điều 163 Luật Doanh nghiệp. Hàng năm, HĐQT sẽ báo cáo ĐHĐCĐ về thù lao đã chi trả cho HĐQT và trình ĐHĐCĐ thông qua tổng mức thù lao của HĐQT cho năm tiếp theo.	Bổ sung theo yêu cầu của Quy chế mẫu
11.	Điều 15 Quy chế hiện hành (Điều 17 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 15. Cuộc họp của HĐQT** 1. Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có	**Điều 17. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị** 1. Số lượng cuộc họp: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường hoặc theo yêu cầu của một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty.	Căn cứ theo Điều lệ công ty

		số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp HĐQT theo nguyên tắc đa số. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn: a) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; b) Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT; 4. Các cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập cuộc họp HĐQT. 5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán được chấp thuận, Chủ tịch HĐQT	2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng theo khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn; b) Các cuộc họp HĐQT nêu tại điểm a khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty có thể tự mình triệu tập cuộc họp HĐQT. 3. Thông Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo	

		phải triệu tập cuộc họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. 6. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT. 7. Thông báo họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức cuộc họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty. 8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	đến các thành viên Ủy ban kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị . 4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị : Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 5. Cách thức biểu quyết: Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. 6. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	

		9. Biểu quyết a) Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết; c) Theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ; d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 37 Điều lệ Công	7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp: Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 8. Biên bản họp HĐQT: các cuộc họp của HĐQT phải được lập thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp HĐQT lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có nội dung chủ yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và Tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực ưu tiên áp dụng. Biên bản họp HĐQT phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị. 9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị: Trong trường hợp Chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản này có hiệu lực. 10. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị: a) Sau mỗi kỳ họp các quyết định của Hội đồng quản trị phải gửi đến tất cả các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc trong vòng 24 giờ kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định. b) Nghị quyết HĐQT được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên	

		ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó. 10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan. 11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định. 12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể: a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;	thị trường chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của Công ty. c) Nghị quyết HĐQT lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nghị quyết HĐQT lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Nghị quyết Tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong Nghị quyết tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	

		b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này. 13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. 14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản		

		họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp. 15. Hội đồng quản trị có thể thành lập một số tiểu ban trực thuộc và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị. 16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.		

12.	Bổ sung thêm các Điều 18, Điều 19 và Điều 20 Dự thảo sửa đổi	**Không có quy định**	**Điều 18. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị** Các quy định chi tiết của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị tại Chương V - Ủy ban Kiểm toán Quy chế này. **Điều 19. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên** Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty. **Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị** 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. **2.** Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	Bổ sung theo yêu cầu của Quy chế mẫu
13.	Điều 16 Quy chế hiện hành (Điều 20 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 16. Người phụ trách quản trị công ty** 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người	**Điều 21. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty** 1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty : a) Am hiểu về pháp luật;	Sửa tên và số của Điều 16 đồng thời sắp xếp lại thứ tự nội dung theo Quy chế mẫu

		phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. 2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: a) Am hiểu về pháp luật; b) Có kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động tổ chức và quản trị Công ty; c) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT. 3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: a) Quản lý, điều phối tất cả vấn đề hậu cần, tài liệu, diễn biến, truyền đạt và công bố thông tin liên quan đến các cuộc họp Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ; b) Tư vấn cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị về chức năng, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm trong Công ty để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty, hệ thống quản trị nội bộ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành; c) Cố vấn cho Hội đồng quản trị và tổ chức triển khai các nghiệp vụ liên quan đến: Cổ đông, quan hệ cổ đông, công bố thông tin, bảo mật thông tin, pháp chế, giám sát tuân	b) Có kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động tổ chức và quản trị Công ty; c) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT. 2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thông báo Người phụ trách quản trị công ty: e) HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp. f) Người phụ trách quản trị công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp: - Có đơn xin thôi giữ vị trí hoặc nghỉ việc - Không đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty - Các trường hợp khác theo quyết định của HĐQT. 3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty: a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;	

		thủ, tổ chức cán bộ, chính sách, tái cấu trúc, nhằm đáp ứng các yêu cầu được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành; d) Tổ chức và theo dõi việc thực hiện các lộ trình để hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty và tham vấn cho Hội đồng quản trị về các thông lệ quản trị Công ty để đáp ứng nhu cầu của Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ; e) Là cầu nối, truyền đạt thông tin giữa Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị, các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong quá trình vận hành hệ thống quản trị Công ty; f) Là đầu mối liên lạc, tiếp nhận thông tin và tham gia giải quyết các ý kiến, khiếu nại, thắc mắc về quyền lợi của cổ đông; g) Ký duyệt và đóng dấu vào các văn bản, chứng từ thuộc phạm vi công việc được ủy quyền hoặc được phân công, phân nhiệm; h) Quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và quy định pháp luật hiện hành	f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị; g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty; h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; j) Quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và quy định pháp luật hiện hành. k) Tư vấn cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị về chức năng, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm trong Công ty để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty, hệ thống quản trị nội bộ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành; l) Tổ chức và theo dõi việc thực hiện các lộ trình để hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty và tham vấn cho Hội đồng quản trị về các thông lệ quản trị Công ty để đáp ứng nhu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;	
14.	Bổ sung Chương IV: TỔNG GIÁM ĐỐC và Điều 23, Điều 24 Dự thảo sửa đổi	**Không có**	**CHƯƠNG IV: TỔNG GIÁM ĐỐC** **Điều 23. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc** 1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;	Bổ sung theo Quy chế mẫu

			2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua ; 3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; 4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; 5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; 6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; 7. Tuyển dụng lao động; 8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; 9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế công ty, Hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị 10. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý; 11. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;	

			12. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm; 13. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty; 14. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty **Điều 24. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc** 1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: a) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. b) Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. c) Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	

			2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc: a) Các thành viên HĐQT có thể ứng cử, đề cử ứng viên Tổng giám đốc để HĐQT quyết định. b) Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. 3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. b) Việc ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc được thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động, Điều lệ công ty, Quy chế này và quy định khác của Công ty (nếu có). 4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đăng tải trên website của Công ty, thông báo trong nội bộ doanh nghiệp và các cơ quan, đối tác có liên quan. 5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.	
15.	**CHƯƠNG IV**	**CHƯƠNG IV: ỦY BAN KIỂM TOÁN** **Điều 18. Cơ cấu, thành phần Ủy ban kiểm toán**	**CHƯƠNG V: ỦY BAN KIỂM TOÁN** **Điều 25. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán** **Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán**	Sắp xếp lại thứ tự các điều trong Chương IV: ỦY BAN KIỂM

		Điều 19. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán **Điều 20. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán**	**Điều 27. Cơ cấu, thành phần Ủy ban kiểm toán** **Điều 28. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán**	TOÁN , đồng thời thêm Điều 28 để đúng với Quy chế mẫu
16.	Điều 18 Quy chế hiện hành	**Điều 18. Cơ cấu, thành phần Ủy ban kiểm toán** 1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán bao gồm từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị, các thành viên khác phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. 2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. 3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty, không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau: a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;	**Điều 27. Cơ cấu, thành phần Ủy ban kiểm toán** 1. Ủy ban kiểm toán bao gồm từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. 2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty, không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau: a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó; 3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.	Bỏ khoản 2 Quy chế hiện hành và bổ sung khoản 3 Dự thảo sửa đổi, theo Điều lệ Công ty
17.	Bổ sung điểm c khoản 1 Điều 25 Quy chế hiện hành	**Điều 25. Triệu tập cuộc họp HĐQT theo yêu cầu** 1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần	**Điều 33. Triệu tập cuộc họp HĐQT theo yêu cầu** 1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:	Căn cứ theo Điều lệ công ty

	(Điều 32 Dự thảo sửa đổi)	thảo luận: a) TGĐ hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác; **b)** Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của HĐQT.	a) TGĐ hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác; b) Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của HĐQT. c) Thành viên HĐQT độc lập	
18.	Bổ sung Điều 33, 34, 35 sau Điều 32 Dự thảo sửa đổi	Không có	**Điều 34. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc** - Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho TGĐ về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất 45 ngày; - Đối với việc HĐQT ủy quyền cho người quản lý tại ĐIều lệ thì: (i) nội dung này phải được thể hiện qua Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên HĐQT; (ii) được gửi bản chính đến Tổng Giám đốc và (iii) đáp ứng các yêu cầu khác của Pháp luật về ủy quyền; - Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc tại Điều lệ, HĐQT phải phản hồi trong vòng 07 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận. **Điều 35. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao** - Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và UBKT bằng văn bản; - Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của HĐQT được quy định tại Điều lệ, TGĐ gửi tờ trình đến HĐQT trước 07 ngày trước ngày nội dung đó phải được quyết định.	Bổ sung theo yêu cầu của Quy chế mẫu

			Điều 36. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc Các nội dung kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGĐ được đề cập trong chương trình họp HĐQT.	
19.	Điều chỉnh Điều 26 Quy chế hiện hành (Điều 36 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 26. Vấn đề TGĐ báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT** 3. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan có liên quan khi được yêu cầu.	**Điều 37. Vấn đề TGĐ báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT** 3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. 4. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan có liên quan khi được yêu cầu.	Bổ sung thêm nghĩa vụ cung cấp thông tin của người quản lý trong công ty cho HĐQT theo quy định tại Quy chế mẫu
20.	Điều 27 Quy chế hiện hành (Điều 38 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 27. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:** Các thành viên HĐQT, Ban TGĐ sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc vì lợi ích chung của Công ty	**Điều 38. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc** Các thành viên HĐQT, Ban TGĐ sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại và thông báo về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc vì lợi ích chung của Công ty.	Bổ sung theo Quy chế mẫu
21.	Điểm a Khoản 2 Điều 31 Quy chế hiện hành (Điều 42 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 31. Khen thưởng và kỷ luật:** 2. Kỷ luật: a) Các thành viên HĐQT, Ban TGĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Công ty thì tùy tính chất mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật	**Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật:** 2. Kỷ luật: a) Các thành viên HĐQT, Ban TGĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ, Tổng giám đốc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị và các quy định khác của Công ty thì tùy tính chất mức độ và hậu quả của hành vi	Bổ sung theo Quy chế mẫu

			vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật	
22.	Khoản 2, Khoản 3 Điều 32 Quy chế hiện hành (Điều 43 Dự thảo sửa đổi	**Điều 32. Hiệu lực thi hành** 1. Nếu có bất kỳ quy định nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định của Điều lệ, quy định của pháp luật thì quy định của Điều lệ, quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên được áp dụng. 2. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua, được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. 3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ Quy chế này cho HĐQT xem xét xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua.	**Điều 43. Hiệu lực thi hành** 1. Nếu có bất kỳ quy định nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định của Điều lệ, quy định của pháp luật thì quy định của Điều lệ, quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên được áp dụng. 2. Quy chế này có 09 Chương 43 Điều, có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua, được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. 3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ Quy chế này do HĐQT xem xét xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua.	Điều chỉnh theo thực tế Dự thảo sửa đổi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----*-----**

DỰ THẢO

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số …… /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2024)

Tháng … năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 5

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 5

Điều 2. Giải thích thuật ngữ 5

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 6

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông 6

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông 6

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 7. Thông báo và đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 8. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết 7

Điều 9. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ 8

Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 8

Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đồng trực tuyến 9

Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đồng trực tiếp kết hợp với trực tuyến 10

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 10

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 10

Điều 14. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 10

Điều 15. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 11

Điều 16. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 13

Điều 17. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị 13

Điều 18. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị 15

Điều 19. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 15

Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 15

Điều 21. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 15

Điều 22. Thư ký công ty 16

CHƯƠNG IV: TỔNG GIÁM ĐỐC 17

Điều 23. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 17

Điều 24. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc 18

CHƯƠNG V: ỦY BAN KIỂM TOÁN 18

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán 18

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán 19

Điều 27. Cơ cấu, thành phần Ủy ban kiểm toán 19

Điều 28. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán 19

CHƯƠNG VI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH 19

Điều 29. Trách nhiệm cẩn trọng 19

Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 20

Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 21

CHƯƠNG VII: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 21

Điều 32. Thủ tục trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc 21

Điều 33. Triệu tập cuộc họp HĐQT theo yêu cầu 22

Điều 34. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc 22

Điều 35. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao 22

Điều 36. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc 23

Điều 37. Vấn đề TGĐ báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT 23

Điều 38. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc 23

CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 23

Điều 39. Phương thức đánh giá hoạt động 23

Điều 40. Tiêu chí đánh giá hoạt động 24

Điều 41. Xếp loại đánh giá 24

Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật 24

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 25

Điều 43. Hiệu lực thi hành 25

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CNT*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2024*

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm các nội dung sau:

-----*-----**

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật. Đồng thời, Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán và cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Ban Kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Luật doanh nghiệp" nghĩa là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
2. "Luật chứng khoán" nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
3. "Quản trị Công ty" nghĩa là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý và hiệu quả;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, nâng cao trách nhiệm của HĐQT đối với cổ đông.
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

4. "Công ty" nghĩa là Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.
5. "ĐHĐCĐ" nghĩa là Đại hôi đồng cổ đông của Công ty
6. "HĐQT" nghĩa là Hội đồng quản trị
7. "TGĐ" nghĩa là Tổng Giám đốc
8. "Phó TGĐ" nghĩa là Phó Tổng Giám đốc
9. "UBKT" nghĩa là Ủy ban kiểm toán của Công ty
10. "Người có liên quan" là những tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty trong các trường hợp được quy định cụ thể tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp được quy định cụ thể tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
11. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không giữ chức vụ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
12. "UBCKNN" nghĩa là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
13. "VSDC" nghĩa là Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam

Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Đối với cổ phiếu lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và danh sách cổ đông do VSDC cung cấp cho Công ty là căn cứ duy nhất để xác định tư cách, quyền và nghĩa vụ của cổ đông.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 115, Điều 119 của Luật doanh nghiệp và tại Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 70% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán;

l) Phê duyệt quy chế nội bộ quản trị; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và các nội dung liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định từ Điều 13 đến Điều 20, Điều 22 Điều lệ Công ty và quy định tại Quy chế này.

Điều 7. Thông báo và đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty. Nếu trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có quy định thời gian, cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo.
2. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của Pháp luật và Điều 15 Điều lệ công ty. Trường hợp văn bản ủy quyền không thể hiện rõ nội dung, phạm vi, số lượng của phần ủy quyền thì ủy quyền đó được xem là ủy quyền toàn bộ.

Điều 8. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết

1. Phiếu biểu quyết được gửi tới cổ đông kèm theo thư mời họp hoặc phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc bằng hình thức điện tử.

2. Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu đặt tại phòng họp hoặc sử dụng biểu quyết hình thức bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác do công ty cung cấp. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của cổ đông hoặc được xác thực bằng hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu
3. Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa sẽ tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết.
4. Khi thực hiện kiểm phiếu, các ý kiến biểu quyết không có ý kiến không được tính vào số phiếu tán thành.
5. Chủ tọa Đại hội sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại Đại hội.
6. Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

Điều 9. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Trình tự, thủ tục tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản; Phương thức biểu quyết bằng văn bản; và Trình tự triển khai việc kiểm phiếu đối với các ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.
3. HĐQT thành lập Ban kiểm phiếu đối với trường hợp tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản. Thành phần của Ban kiểm phiếu tối thiểu gồm:

a) Chủ tịch HĐQT - Trưởng ban kiểm phiếu;
b) Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý tại Công ty;
c) Phụ trách Quản trị Công ty và/hoặc Thư ký Công ty.

Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đồng trực tuyến

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải trực tiếp hình ảnh, âm thanh của cuộc họp, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến, thảo luận và đóng góp ý kiến tại cuộc họp. Địa điểm chính của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là nơi Chủ tọa tham dự và điều hành cuộc họp.
2. HĐQT quyết định việc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trong các trường hợp có các sự kiện không thuận lợi và/hoặc khó khăn cho việc tổ chức cuộc họp trực tiếp.
3. Trình tự, thủ tục triệu tập, lập Danh sách cổ đông dự họp; Thời hạn công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông dự họp, gửi Thông báo mời họp, đăng tải Tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện như trình tự của cuộc họp trực tiếp.
4. Để tổ chức Cuộc họp Đại hội cổ đông trực tuyến, Công ty phải thiết lập Hệ thống tổ chức Cuộc họp (gọi tắt là "Hệ thống"). Hệ thống có thể được xây dựng trên một hoặc nhiều ứng dụng và/hoặc nền tảng, nhưng phải đảm bảo tính bảo mật, đồng bộ, có khả năng xác thực thông tin cổ đông, truyền tải ổn định âm thanh, hình ảnh của cuộc họp và phải do Công ty nắm quyền kiểm soát.
5. Cổ đông có tên trong Danh sách cổ đông dự họp được cấp một (01) tài khoản và một (01) mật khẩu (có thể thay đổi tùy theo yêu cầu bảo mật của Cổ đông) để đăng nhập vào Hệ thống. Cổ đông đăng nhập vào Hệ thống được xem là tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Điều kiện về tỷ lệ tham dự để tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo quy định của cuộc họp trực tiếp.
6. Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử, hoặc gửi Phiếu biểu quyết về Công ty bằng thư bảo đảm, phương tiện điện tử khác trong thời hạn biểu quyết. Người triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quyết định hình thức biểu quyết và ấn định thời hạn biểu quyết tùy theo tình hình thực tế.
7. Kết quả biểu quyết, Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông được Hội đồng quản trị công bố thông tin và đăng tải trên website Công ty sau khi kết thúc thời hạn biểu quyết theo Quy chế điều hành cuộc họp.
8. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến có trách nhiệm đảm bảo Hệ thống tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và Hệ thống bỏ phiếu điện tử (nếu có) phải đáp ứng các điều kiện sau:
   - Đường truyền của Hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo các tín hiệu truyền tải từ Cuộc họp đến Cổ đông tham dự không bị gián đoạn;
   - Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến;
   - Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật tài khoản và mật khẩu đăng nhập Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống phải bảo mật thông tin và phù hợp với

quy định pháp luật;

- Dữ liệu điện tử ghi nhận diễn biến, kết quả biểu quyết của cuộc họp phải được lưu giữ và trích xuất khi cần thiết.

9. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng, ban hành Quy chế quy định về phương thức, trình tự thực hiện công tác tổ chức và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phù hợp với quy định quy định pháp luật hiện hành, các nguyên tắc và thể thức được quy định tại Điều này và tình hình, nhu cầu thực tế.

Điều 12. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Nhằm đảm bảo quyền lợi tối đa cho cổ đông, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định hình thức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến;
2. Trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết tùy thuộc áp dụng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp dựa trên các quy định về triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi Thư mời họp và các tài liệu kèm theo, điều kiện tiến hành Đại hội đông trực tuyến, bỏ phiếu, kiểm phiếu và các thủ tục khác tại Điều lệ, Quy chế này và quy định của pháp luật liên quan.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 42 và Điều 43 Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

a) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội cổ đông sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ hoạt động

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị;

Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

- Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
- Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên

b) Thànhviên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp và pháp luật liên quan;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;
- Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.

c) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát (nếu có) của Công ty trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ

Điều 15. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
   a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b. Trình độ chuyên môn;
   c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể như sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên..

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay và bổ sung Thành viên HĐQT

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản Điều 24 Điều lệ Công ty;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận.

b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

d) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên trong các trường hợp sau đây:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty này. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3;

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.

e) Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiễm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

5. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo quy định tại Khoản 4, 5 Điều 28 và Khoản 1 Điều 29 Điều lệ và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 16. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Thành viên HĐQT tuân thủ quy định tại Điều 27 Điều lệ và Điều 163 Luật Doanh nghiệp. Hàng năm, HĐQT sẽ báo cáo ĐHĐCĐ về thù lao đã chi trả cho HĐQT và trình ĐHĐCĐ thông qua tổng mức thù lao của HĐQT cho năm tiếp theo.

Điều 17. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp: Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường hoặc theo yêu cầu của một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty.
2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng theo khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn;

b) Các cuộc họp HĐQT nêu tại điểm a khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty có thể tự mình triệu tập cuộc họp HĐQT.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ủy ban kiểm toán như đối với các thành viên Hội đồng quản trị .

4. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị : Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
5. Cách thức biểu quyết: Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

   a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
   b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
   c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
   d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
6. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
7. Việc ủy quyền cho người khác dự họp: Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
8. Biên bản họp HĐQT: các cuộc họp của HĐQT phải được lập thành biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp HĐQT lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có nội dung chủ yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp. Biên bản lập bằng Tiếng Việt và Tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực ưu tiên áp dụng. Biên bản họp HĐQT phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.
9. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

   Trong trường hợp Chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản này có hiệu lực.
10. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:

a) Sau mỗi kỳ họp các quyết định của Hội đồng quản trị phải gửi đến tất cả các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc trong vòng 24 giờ kể từ ngày HĐQT thông qua quyết định.

b) Nghị quyết HĐQT được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của Công ty.

c) Nghị quyết HĐQT lập bằng Tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nghị quyết HĐQT lập bằng Tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Nghị quyết Tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong Nghị quyết tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 18. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

Các quy định chi tiết của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị tại Chương V - Ủy ban Kiểm toán Quy chế này.

Điều 19. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 21. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty :

a) Am hiểu về pháp luật;

b) Có kiến thức và kinh nghiệm trong hoạt động tổ chức và quản trị Công ty;

c) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và thông báo Người phụ trách quản trị công ty:

a) HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp.

b) Người phụ trách quản trị công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp:

- Có đơn xin thôi giữ vị trí hoặc nghỉ việc
- Không đáp ứng được các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Công ty
- Các trường hợp khác theo quyết định của HĐQT.

3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
d) Tham dự các cuộc họp;
e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;
g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
j) Quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, quyết định của Hội đồng quản trị và quy định pháp luật hiện hành.
k) Tư vấn cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị về chức năng, nhiệm vụ, vai trò, trách nhiệm trong Công ty để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty, hệ thống quản trị nội bộ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và pháp luật hiện hành;
l) Tổ chức và theo dõi việc thực hiện các lộ trình để hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty và tham vấn cho Hội đồng quản trị về các thông lệ quản trị Công ty để đáp ứng nhu cầu của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Thư ký công ty

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Thư ký Công ty có trách nhiệm:

1. Thừa hành Hội đồng quản trị để thực hiện công tác triệu tập, chuẩn bị hậu cần, tổng hợp tài liệu tại các cuộc họp Hội đồng quản trị và ĐHĐCĐ;
2. Tham dự, ghi chép Biên bản các cuộc Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ. Thư ký Công ty phải ký tên vào các Biên bản cuộc họp và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung trong các Biên bản;
3. Hỗ trợ, giúp việc cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và các Ban chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các chức năng, quyền hạn được giao;
4. Quản lý, lưu trữ, bảo mật, trích xuất và cung cấp (khi cần thiết) đối với các thông tin về quản trị Công ty; bản sao Biên bản cuộc họp, Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị; thông tin về cổ đông, danh sách cổ đông; và các thông tin khác có liên quan đến tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh của Công ty;
5. Chịu sự chỉ đạo, điều phối từ Phụ trách Quản trị Công ty trong việc triển khai các chức năng của Phụ trách Quản trị Công ty;

6. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty và quy định pháp luật.

CHƯƠNG IV: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 23. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua ;
3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
7. Tuyển dụng lao động;
8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Điều lệ, các Quy chế công ty, Hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị
10. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
11. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
12. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
13. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
14. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty

Điều 24. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

a) Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

b) Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

c) Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc:

a) Các thành viên HĐQT có thể ứng cử, đề cử ứng viên Tổng giám đốc để HĐQT quyết định.

b) Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc.

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.

b) Việc ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc được thực hiện phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động, Điều lệ công ty, Quy chế này và quy định khác của Công ty (nếu có).

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Công ty sẽ thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đăng tải trên website của Công ty, thông báo trong nội bộ doanh nghiệp và các cơ quan, đối tác có liên quan.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG V: ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty;
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua;

Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 27. Cơ cấu, thành phần Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán bao gồm từ hai (02) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty, không đang trong thời gian bị thi hành kỷ luật của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 28. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên và biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số các thành viên dự họp tán thành, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

CHƯƠNG VI: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 29. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với

mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 30. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan. Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị,Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
   a. Đối với hợp đồng hoặc giao dịch có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
   b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;
   c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao

dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.

d. Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 31. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VII: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 32. Thủ tục trình tự triệu tập, thông báo mời họp, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

1. Thành viên Ban Tổng Giám đốc (không phải là thành viên HĐQT) có thể được triệu tập tham gia các cuộc họp của HĐQT khi HĐQT xét thấy việc tham gia này là cần thiết. Trong trường hợp này, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban TGĐ như đối với thành viên HĐQT. Ban TGĐ có nghĩa vụ trực tiếp hoặc cử đại diện tham dự cuộc họp của HĐQT theo thông báo mời họp.

   Thành viên Ban TGĐ dự họp có thể tham gia thảo luận và tham mưu cho HĐQT nhưng không có quyền biểu quyết. Chủ tịch HĐQT sẽ gửi văn bản thông báo Nghị quyết của HĐQT cho TGĐ trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

2. Khi cần thiết, TGĐ có thể mời một số thành viên HĐQT tham dự cuộc họp của Ban

TGĐ để tham mưu những vấn đề liên quan. Thư mời được gửi cho người được mời như đối với thành viên Ban TGĐ. TGĐ sẽ gửi văn bản thông báo kết quả cuộc họp này cho HĐQT trong thời hạn 07 (bảy) ngày sau khi kết thúc cuộc họp.

Điều 33. Triệu tập cuộc họp HĐQT theo yêu cầu

1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

a) TGĐ hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;

b) Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của HĐQT.

c) Thành viên HĐQT độc lập

2. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.
3. Cuộc họp HĐQT nêu tại khoản 1 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 1 Điều này có thể tự mình triệu tập cuộc họp HĐQT.

Điều 34. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

- Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho TGĐ về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất 45 ngày;
- Đối với việc HĐQT ủy quyền cho người quản lý tại Điều lệ thì: (i) nội dung này phải được thể hiện qua Nghị quyết hoặc văn bản ủy quyền có đa số các chữ ký của thành viên HĐQT; (ii) được gửi bản chính đến Tổng Giám đốc và (iii) đáp ứng các yêu cầu khác của Pháp luật về ủy quyền;
- Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám đốc tại Điều lệ, HĐQT phải phản hồi trong vòng 07 ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.

Điều 35. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và UBKT bằng văn bản;
- Trước khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của HĐQT được quy định tại Điều lệ, TGĐ gửi tờ trình đến HĐQT trước 07 ngày trước ngày nội dung đó phải được quyết định.

Điều 36. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Các nội dung kiểm điển việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với TGĐ được đề cập trong chương trình họp HĐQT.

Điều 37. Vấn đề TGĐ báo cáo, cung cấp thông tin cho HĐQT

1. TGĐ phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm theo quy định tại Điều lệ.
2. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản tự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
4. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan có liên quan khi được yêu cầu.

Điều 38. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên HĐQT, Ban TGĐ sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại và thông báo về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho nhau làm việc vì lợi ích chung của Công ty.

CHƯƠNG VIII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Phương thức đánh giá hoạt động

1. Việc đánh giá hoạt động của thành viên HĐQT, Ban TGĐ thực hiện theo quy định của Công ty và một hoặc một số hoặc tất cả những phương thức sau (nếu có):

a) Tự nhận xét đánh giá;

b) Đánh giá hoạt động theo định kỳ 06 tháng;

c) Đánh giá hoạt động hàng năm được tiến hành vào cuối năm;

d) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;

e) Cách thức khác do HĐQT lựa chọn vào từng thời điểm.

2. HĐQT sẽ tiến hành tổ chức đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT và các chức danh do HĐQT bổ nhiệm.
3. TGĐ sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các chức danh do TGĐ bổ nhiệm.
4. Kết quả đánh giá được sử dụng làm thông tin cho quá trình xét thi đua khen thưởng theo quy định của Công ty.

Điều 40. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban TGĐ căn cứ vào các tiêu chí sau:

1. Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc của cá nhân và sự phát triển, kết quả hoạt động của đơn vị.
2. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ quản lý công việc, việc chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.
3. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, giữa các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.
4. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm.
5. Phẩm chất đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ, nội quy Công ty và pháp luật.
6. Các tiêu chí khác theo từng thời kỳ.

Điều 41. Xếp loại đánh giá

1. Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên HĐQT, Ban TGĐ được phân loại như sau:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

c) Hoàn thành nhiệm vụ được giao;

d) Chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Các văn bản đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban TGĐ phải được lưu giữ tại Công ty.

Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật

1. Khen thưởng:

a) Các thành viên HĐQT, Ban TGĐ có thành tích trong công việc quản trị, điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được cấp thẩm quyền xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành của Công ty.

b) Các hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty tại từng thời điểm.

2. Kỷ luật:

a) Các thành viên HĐQT, Ban TGĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao mà vi phạm quy định pháp luật, Điều lệ, Tổng giám đốc không thực hiện hoặc thực hiện không

đúng các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị và các quy định khác của Công ty thì tùy tính chất mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật.

b) HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm. TGĐ có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do TGĐ bổ nhiệm.

c) Nguyên tắc xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo nội quy lao động và các quy định khác có liên quan của Công ty và quy định pháp luật.

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 43. Hiệu lực thi hành

1. Nếu có bất kỳ quy định nào trong Quy chế này mâu thuẫn với quy định của Điều lệ, quy định của pháp luật thì quy định của Điều lệ, quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên được áp dụng.
2. Quy chế này có **09** Chương và **43** Điều, có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua, được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ Quy chế này do HĐQT xem xét xây dựng và trình ĐHĐCĐ thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CNT GROUP

Số: 14 /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

V/v Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/202/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ tình hình thực tế.

Qua rà soát các nội dung trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT, để phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty và các quy định về Công ty đại chúng, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty như sau:

1. Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung) đính kèm Tờ trình này;

2. Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sẽ được thể hiện chi tiết tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Các TV HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301460120 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

PHỤ LỤC: NỘI DUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp ngày … tháng … năm 2024)

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO SỬA ĐỔI	LÝ DO SỬA ĐỔI
1.	Căn cứ pháp lý	(Ban hành kèm Nghị quyết số: 01/ĐHĐCĐ-NQ/2022 ngày 18 tháng 03 năm 2022 của ĐHĐCĐ)	- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019; - Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; - Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CNT - Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2024 - Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT	Cập nhật căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông mới nhất và các văn bản pháp luật hiện hành theo Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC (Sau đây gọi tắt là "Quy chế mẫu")

			Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm các nội dung sau:	
2.	Khoản 1, Điều 1	**Điều 1. Trách nhiệm pháp lý, đối tượng điều chỉnh:** 1. Quy chế này được ban hành căn cứ Luật số số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; Điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông tổ chức ngày …. tháng … năm 2021. 2. Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ, trách nhiệm, trình tự giải quyết công việc và quan hệ công tác của Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT) Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư. 3. Các thành viên HĐQT, Ban điều hành, Trưởng các phòng ban, đơn vị và toàn thể người lao động trực thuộc Công ty và các đơn vị có quan hệ công tác chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng điều chỉnh:** 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Quy chế này quy định về nguyên tắc, chế độ, trách nhiệm, trình tự giải quyết công việc và quan hệ công tác của Hội đồng quản trị (sau đây viết tắt là HĐQT) **Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT**. 3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.	- Điều chỉnh tên Điều và nội dung Khoản 1 và khoản 3 Điều 1 Quy chế mẫu. - Đổi tên công ty
3.	Điều 2	**Điều 2. Vị trí, cơ cấu, nguyên tắc làm việc của Hội đồng quản trị:** 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty (trừ những việc thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông). 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội cổ đông sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên	**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị** 1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.	Sửa đổi theo Quy chế mẫu

		Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ hoạt động. 3. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Các thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về phần việc đã được HĐQT phân công, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật.	2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	
4.	Chương I	**Điều 3: Giải thích từ ngữ:** 1. " Ban điều hành" bao gồm Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty; 2. "Người quản lý công ty" là Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty. *3.* "Quy định quản lý nội bộ khác của Công ty" là các tài liệu quản lý do Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc ban hành theo thẩm quyền và các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong quá trình quản lý công ty.	Bỏ	Bỏ Điều 3 trong Quy chế hiện hành
5.	Chương II	**CHƯƠNG II. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN, TIÊU CHUẨN, NHIỆM KỲ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	**CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	Sửa đổi tên Chương II cho phù hợp với Quy chế mẫu
6.	Điều 4	**Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị:**	**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị** 1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung	Sửa đổi tên và nội dung điều 4 Quy chế hiện hành thành Điều 3 trong

		Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.	cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. 2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau: a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty; b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.	Dự thảo sửa đổi theo Quy chế mẫu

			3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	
7.	Bổ sung quy định về Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	**Không có**	***Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị*** 1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. 2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định. 4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.	Bổ sung thêm Điều 4 vào Dự thảo sửa đổi theo Quy chế mẫu
8.	Bổ sung quy định về Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	**Không có**	***Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị*** 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội cổ đông sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ hoạt động. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	Bổ sung thêm Điều 5 vào Dự thảo sửa đổi theo Quy chế mẫu

			3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. 4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.	
9.	Tại Điều 5: sửa đổi điểm e Khoản 2 và bổ sung thêm Khoản 3	**Điều 5. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT** 2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: e. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát (nếu có) của Công ty trong 02 nhiệm kỳ liền trước đó.	**Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị** 2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau: e) Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT hoặc Ban Kiểm soát (nếu có) của Công ty trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ. 3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung	- Sắp xếp lại theo Quy chế mẫu - Sửa đổi điểm e Khoản 2 Điều 5 Quy chế hiện hành (Điều 6 Dự thảo sửa đổi) theo Khoản 2 điều 155 Luật Doanh nghiệp; - Bổ sung Khoản 3 theo Quy chế mẫu

			hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan	
10.	Bổ sung thêm quy định về Chủ tịch Hội đồng quản trị	**Không có**	**Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị** 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc	Bổ sung Điều 7 vào Dự thảo sửa đổi theo Quy chế mẫu

			không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị. 5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây: a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp; b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;	

			c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.	
9.	Điều 6	**Điều 6: Nhiệm kỳ, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị** 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội cổ đông sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ hoạt động. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị chiếm ít nhất 20% tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị mới để tiếp quản công việc. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không được tại nhiệm quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại	**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị** 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. 3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	Các nội dung của Điều 6 Quy chế hiện hành sẽ được sắp xếp ở các Điều 8, Điều 9 và Điều 10 Dự thảo sửa đổi cho phù hợp với Quy chế mẫu

		với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. 4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. 5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng	4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp; c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất. **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị** Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và quy định của pháp luật có liên quan. **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị** 1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về	

		chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống; e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; 6. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b) Trình độ chuyên môn; c) Quá trình công tác; d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty; g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). 2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.	

10.	Chương III	**CHƯƠNG III. QUY TRÌNH, CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC, THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THƯ KÝ CÔNG TY**	**CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	Đổi tên theo Quy chế mẫu
11.	Điều 7	Điều 7 Chế độ làm việc của Hội đồng quản trị	Bỏ Điều 7	Bỏ điều 7 Quy chế hiện hành do nội dung không phù hợp với Quy chế mẫu
12.	Bổ sung quy định về Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	**Không có**	**Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị** 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	Bổ sung 04 Điều (Điều 11,12, 13, 14) sau tiêu đề Chương III Bổ sung theo Quy chế mẫu

			c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội	

			đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác; m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty; q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực	

			thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty; r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty. 3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên. **Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch** 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12	

			tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau: - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp. 2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	

			Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 4 điều 13 Điều lệ Công ty. 2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 điều 13 Điều lệ Công ty. 3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp; d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị; e) Xác định thời gian và địa điểm họp; g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp; h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị**	

			1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban. 2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	
13.	Bổ sung Chương IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Không có	**CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**	Thêm Chương IV sau Điều 14 Dự thảo sửa đổi Bổ sung theo Quy chế mẫu

14.	Bỏ Điều 8, Điều 9 và bổ sung quy định về Cuộc họp Hội đồng quản trị	**Điều 8: Chương trình làm việc và nội dung họp của HĐQT** **Điều 9. Tiếp nhận, xử lý và trình ký văn bản của HĐQT**	**Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị** 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. 3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều	Bỏ Điều 8 và Điều 9 Quy chế hiện hành và bổ sung Điều 15 vào Dự thảo sửa đổi. Bổ sung theo Quy chế mẫu

			này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	

			9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận; c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; 10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. 11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	

15.	Điều 10 Quy chế hiện hành (Điều 16 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 10. Biên bản họp của HĐQT:** 1. Các nội dung cuộc họp phải được ghi vào sổ Biên bản. Sổ biên bản do Thư ký HĐQT quản lý. 2. Biên bản họp HĐQT phải làm xong và công bố nội dung thông qua ngay sau khi cuộc họp có kết luận. 3. Biên bản cuộc họp HĐQT được lập bằng tiếng việt và phải có chữ ký của chủ toạ, các thành viên dự họp và thư ký. 4. Biên bản phải có các nội dung: a. Thời gian và địa điểm họp; b. Họ tên thành viên tham dự và thành viên được uỷ quyền; c. Chương trình cuộc họp; d. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết; e. Kết quả biểu quyết; f. Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận; g. Các quyết định đã được HĐQT thông qua; h. Chữ ký có ghi rõ tên của tất các thành viên dự họp. 5. Biên bản phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày biên bản được chuyển tới các thành viên để ký. 6. Thông báo của Hội đồng quản trị: Được ban hành để thông báo nội dung kết luận cuộc họp HĐQT khi các vấn đề trong cuộc họp chưa được các thành viên Hội đồng quản trị đồng thuận theo đa số để ban hành Nghị quyết, Quyết định, nhằm giải thích lý do,	**Điều 16. Biên bản họp của Hội đồng quản trị:** 1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Thời gian, địa điểm họp; c) Mục đích, chương trình và nội dung họp; d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c,	Sửa đổi, bổ sung nội dung để phù hợp với Quy chế mẫu

		phân công công việc, quy định thời gian tiếp tục chuẩn bị hoặc bổ sung những vấn đề cần thiết.	d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	
16.	Chương III	***Điều 11. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị***	Bỏ nội duqng này	Bỏ Điều 11 Quy chế hiện hành để phù hợp với Quy chế mẫu
17.	Bổ sung Chương IV. BÁO CÁO, CÔNG KHAI	Không có	**CHƯƠNG IV. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**	Thêm: CHƯƠNG IV sau Điều 16 Quy chế hiện hành Bổ sung theo Quy chế mẫu

	CÁC LỢI ÍCH			
18.	Điều 12 Quy chế hiện hành (Điều 21 Dự thảo sửa đổi)	***Điều 12. Báo cáo và thông tin của Hội đồng quản trị:*** 1. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT thuộc diện công bố phải được thông tin trên trang Website của Công ty theo quy định, đồng thời tổ chức phát hành đúng thời hạn, đúng nơi nhận; 2. Việc báo cáo định kỳ, đột xuất của HĐQT cho cổ đông công ty theo Quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ Công ty;	**Điều 21. Trình báo cáo hằng năm** 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây: a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty; b) Báo cáo tài chính; c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty; d) Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị do Thành viên Hội đồng quản trị độc lập báo cáo. 2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.	Sửa đổi, bổ sung nội dung để phù hợp với Quy chế mẫu

19.	Điều 13	**Điều 13. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc của Chủ tịch HĐQT**	**Bỏ nội dung này**	Bỏ do nội dung không phù hợp với Quy chế mẫu
20.	Điều 14 Quy chế hiện hành (Điều 18 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 14. Thù lao và chính sách chi trả cho hoạt động của HĐQT:** 1. Đại diện Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc	**Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị** Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điều 27 Điều lệ Công ty.	Sửa đổi cho phù hợp với nội dung của Điều lệ

		dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.		
21.	Điều 15	**Điều 15. Nhiệm vụ, trách nhiệm, chế độ của thư ký công ty**	Bỏ	Bỏ do nội dung không phù hợp với Quy chế mẫu
22.	Bổ sung quy định về Công khai các lợi ích liên quan	Không có	**Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan** 1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ. 2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07	Bổ sung Điều 19 theo Quy chế mẫu

			ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng. 3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.	
23.	Chương IV	**CHƯƠNG IV. TRÁCH NHIỆM, PHẠM VI, CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC** **Điều 16. Trách nhiệm, phạm vi giải quyết công việc Tổng giám đốc Công ty**	Bỏ	Bỏ do nội dung không phù hợp với Quy chế mẫu
24.	Điều 17 Quy chế hiện hành (Điều 20 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 17. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT:** 1. Là quan hệ phối hợp, có trách nhiệm hỗ trợ thông tin lẫn nhau về các vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công; 2. Chủ động phối hợp xử lý công việc của mình. Trong trường hợp các thành viên có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các thành viên theo quy định. **3.** Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ tài liệu liên	**Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị** 1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm hỗ trợ thông tin lẫn nhau về các vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công; 2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp các thành viên có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm	Sửa đổi theo Quy chế mẫu

		quan. Việc bàn giao này phải lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT	chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này. 3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.	
25.	Điều 18	**Điều 18. Mối quan hệ giữa HĐQT với cổ đông**	**Bỏ**	Bỏ do nội dung không phù hợp với Quy chế này
26.	Điều 19 Quy chế hiện hành (Điều 21 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 19. Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban điều hành Công ty:** 1. HĐQT bảo đảm tạo điều kiện cho Ban điều hành về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao. 2. HĐQT không can thiệp trực tiếp vào hoạt động hàng ngày và các công tác thuộc thẩm quyền của Ban điều hành trừ khi xét thấy cần thiết. 3. Các thành viên HĐQT có thể làm việc trực tiếp với các thành viên Ban tổng giám đốc, các phòng ban, đơn vị trực thuộc công ty để giám sát hoạt động của công ty, chuẩn bị ý kiến, nội dung cho các cuộc họp HĐQT. Khi làm việc, thành viên HĐQT có quyền chất vấn, gợi ý, trao đổi, nhưng phải tôn trọng và không vi	**Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành** Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.	Điều chỉnh bổ sung theo Quy chế mẫu

		phạm chức năng điều hành chủ động của Ban điều hành đã được quy định tại Điều lệ công ty. 4. Khi phát hiện có vấn đề chưa phù hợp, thành viên HĐQT có trách nhiệm thông báo cho Ban điều hành để cân nhắc xử lý. Trường hợp nghiêm trọng mà hai bên không thuyết phục được thì báo cho Chủ tịch HĐQT để đem ra bàn bạc, thảo luận tìm giải pháp giải quyết tốt nhất, có lợi nhất cho Công ty. *5.* Trong quá trình thực hiện quyền và nhiệm vụ của HĐQT, thành viên HĐQT có quyền sử dụng bộ máy của công ty là các phòng ban, đơn vị trực thuộc hỗ trợ, tạo điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ của HĐQT. Ban điều hành phải tạo điều kiện thuận lợi để HĐQT thực hiện quyền của HĐQT được quy định tại Điều lệ công ty.		
27.	Điều 19 Quy chế hiện hành (Điều 22 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 19. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán:** 1. HĐQT, Tổng giám đốc công ty, Ban điều hành có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp hồ sơ, cơ sở vật chất cho Ủy ban kiểm toán thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ công ty. *2.* Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo của Ủy ban kiểm toán, HĐQT phải tiếp nhận và nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và có biện pháp xử lý phù hợp, kịp thời theo quy định.	**Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán** 1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. *2.* Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.	Điều chỉnh bổ sung theo Quy chế mẫu

28.	Điều 20 Quy chế hiện hành	**Điều 20. Quan hệ giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức, đoàn thể trong công ty**	**Bỏ**	Bỏ do nội dung không phù hợp với Quy chế này
29.	Chương VI	**CHƯƠNG VI** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**	**CHƯƠNG VII** **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**	
30.	Điều 21 Quy chế hiện hành (Điều 23 Dự thảo sửa đổi)	**Điều 21. Tổ chức thực hiện, thẩm quyền sửa chữa, bổ sung quy chế:** 1. Những nội dung khác nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo Điều lệ của Công ty và theo quy định của Pháp luật. 2. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết phải bổ sung, sửa đổi nội dung Quy chế cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị sẽ xem xét và có đề xuất bổ sung, sửa đổi trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. *3.* Quy chế có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai và thực hiện nghiêm các quy định của quy chế này /.	**Điều 23. Hiệu lực thi hành:** *Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. .tháng...năm 2024*	Điều chỉnh bổ sung theo Quy chế mẫu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----*-----**

DỰ THẢO

QUY CHẾ

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số …… /NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2024)

Tháng … năm 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I 4

QUY ĐỊNH CHUNG 4

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: 4

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 4

CHƯƠNG II 5

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 5

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 5

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 6

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 6

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị: 6

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 7

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 9

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 10

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 10

CHƯƠNG III 11

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 11

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 13

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 13

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 14

CHƯƠNG IV 15

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 15

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị: 15
Điều 16. Biên bản họp của Hội đồng quản trị: 17
CHƯƠNG V 18
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 18
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm 18
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 18
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 18
CHƯƠNG VI 19
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 19
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 19
Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành 20
Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán 20
CHƯƠNG VII 20
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 20
Điều 23. Hiệu lực thi hành: 20

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- *Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điêu của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm 2024*
- *Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT;*

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Đại hội cổ đông sẽ quyết định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị tương ứng với mỗi nhiệm kỳ hoạt động.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;

c) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;

e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát (nếu có) của Công ty trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty,

trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 4 điều 13 Điều lệ Công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

   Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 điều 13 Điều lệ Công ty.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 ngườibao gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị:

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty

quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp của Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị do Thành viên Hội đồng quản trị độc lập báo cáo.

2. Báo cáo quy định tại các khoản 1 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điều 27 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm hỗ trợ thông tin lẫn nhau về các vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công;
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp các thành viên có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức cuộc họp lấy ý kiến các thành viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng ... năm 2024

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CNT GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /TTr-HĐQT

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Đại Hội đồng cổ đông Công ty CP Tập đoàn CNT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/202/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ tình hình thực tế.

Xét cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị và căn cứ tình hình hoạt động trong thời gian tới, để đáp ứng được thực tiễn quản trị, điều hành, giám sát và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét bầu bổ sung thành viên HĐQT với các nội dung như sau:

1. Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026: từ 03 (ba) thành viên thành 04 (bốn) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên độc lập HĐQT.

2. Số lượng bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026: 01 (một) thành viên.

3. Nhiệm kỳ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị được bầu bổ sung: thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

4. Danh sách ứng viên để bầu bổ sung vào chức danh thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 được tập hợp từ những người đủ tiêu chuẩn, điều kiện Thành viên độc lập HĐQT và đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quy chế bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Danh sách này sẽ được công bố trước thời điểm bầu cử.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung nêu trên.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;*
- *Các TV HĐQT, Ban điều hành;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0301460120 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CNT GROUP

Số: 16 /TB-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 01 tháng 04 năm 2024

THÔNG BÁO
V/v Đề cử, ứng cử Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ 2021-2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/202/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ tình hình thực tế.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT xin trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử Thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Số lượng thành viên HĐQT được bầu: 01 thành viên.

2. Nhiệm kỳ: trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

3. Đối tượng được đề cử/ứng cử thành viên vào Hội đồng quản trị:

Theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ Công ty thì Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

Theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CNT, và Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn sau đây.

- Không thuộc đối tượng cá nhân không có quyền quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;

- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CNT;

- Là ứng cử viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu/đại diện sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên tại thời điểm chốt danh sách cổ đông đề cử theo quy định về số lượng và trình tự Điều lệ Công ty có quy định.

4. Hướng dẫn gửi hồ sơ đề cử, ứng cử:

a) Hồ sơ bao gồm:

- 01 bản chính Đơn đề cử/Đơn ứng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị (theo mẫu).

- 01 bản chính Sơ yếu lý lịch của ứng viên.

- 01 bản sao các văn bằng chứng chỉ chuyên môn của ứng cử viên.

b) Địa điểm nhận hồ sơ:

Hồ sơ đề cử/ứng cử thành viên vào Hội đồng quản trị phải được gửi trực tiếp qua đường bưu điện (có bảo đảm) về địa chỉ: Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT, số 9-19 (lầu 2) Hồ Tùng Mậu, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thời gian nhận hồ sơ:

Chậm nhất 17h00 Thứ Ba, ngày 09/04/2024. Các hồ sơ đề cử/ứng cử nhận được sau thời gian trên là không hợp lệ.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT sẽ xem xét, đánh giá và thực hiện các thủ tục theo quy định hiện hành để thống nhất danh sách đề cử, ứng cử viên gửi cổ đông để tiến hành bầu thành viên độc lập HĐQT trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Các TV HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

PHẠM QUỐC KHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

Để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Tập Đoàn CNT tiến hành thuận lợi và đúng các quy định, Hội đồng quản trị trình trước Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

Điều 1: Quy định chung:

Quy chế này quy định quyền, nghĩa vụ của cổ đông; đại diện cổ đông; trách nhiệm của các chủ thể khi tham gia Đại hội cổ đông; cách thức thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CP Tập Đoàn CNT (sau đây gọi tắt là "Đại hội") để đảm bảo Đại hội đạt kết quả.

Điều 2: Mục đích:

Quy chế này nhằm mục đích đảm bảo cho Đại hội được tiến hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy chế về nội bộ về quản trị công ty. Đảm bảo cho cổ đông thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Đại hội. Đảm bảo cho Đại hội hoàn thành chương trình Nghị sự đã đề ra.

Điều 3: Chương trình họp Đại hội

- Chương trình dự kiến họp của Đại hội được đăng tải lên website để các cổ đông theo dõi.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Hội đồng quản trị chấp nhận và đưa các kiến nghị này vào chương trình dự kiến, nội dung cuộc họp, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung hoặc vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc Đại hội.

Điều 4: Nghĩa vụ của Cổ đông tại Đại hội

Cổ đông khi tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Mặc trang phục chỉnh tề, lịch sự;
2. Xuất trình đầy đủ giấy tờ tuỳ thân, thông báo mời họp và các giấy tờ liên quan đến việc xác minh tư cách đại biểu tại bàn tiếp đón;
3. Giữ trật tự và tư cách nghiêm túc trong giờ họp;
4. Không hút thuốc lá, không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại trong phòng họp;
5. Giao tiếp hoà nhã, thân thiện, không bỏ về giữa giờ khi chưa có sự đồng ý của chủ toạ Đại hội;
6. Phải ngồi đúng vị trí, khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định và tuyệt đối tuân thủ theo sắp xếp của Ban tổ chức;
7. Tuyệt đối tuân thủ theo điều hành của chủ toạ, chỉ được phát biểu khi có sự đồng ý của chủ toạ.

CHƯƠNG I

TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Điều 5: Đoàn Chủ tịch

Điều hành Đại hội là Đoàn chủ tịch, gồm có Chủ tịch (Chủ tịch HĐQT) và các thành viên do Chủ tịch giới thiệu. Chủ tịch HĐQT là người chủ trì Đại hội (tức Chủ toạ), Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc dân chủ và phù hợp với các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế về nội bộ và quản trị công ty.

Đoàn chủ tịch có trách nhiệm:

1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình Nghị sự, các quy chế, thể lệ, đã được Đại hội thông qua.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội diễn ra.
3. Có quyền hoãn, dời Đại hội đến một thời điểm khác hoặc một địa điểm họp trong trường hợp cá nhân/tổ chức tham dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự có nguy cơ mất an toàn và làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
4. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu/ đề xuất.
5. Giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có) trong quá trình diễn ra Đại hội.

Điều 6: Thư ký Đại hội

1. Giúp việc cho Đoàn chủ tịch và Đại hội là Thư ký Đại hội. Thư ký Đại hội do Chủ toạ giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tán thành.
2. Thư ký có nhiệm vụ:

- Ghi chép đầy đủ và trung thực toàn bộ nội dung diễn biến của Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua kể cả các vấn đề còn bảo lưu tại Đại hội; tiếp nhận phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông; soạn thảo biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

- Hỗ trợ đoàn Chủ tịch công bố các văn kiện, kết luận hoặc thông báo gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

- Chịu trách nhiệm trước Chủ toạ Đại hội và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.

Điều 7: Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm có 03-05 người do Ban tổ chức Đại hội cử ra và có trách nhiệm:

1. Kiểm tra tư cách cổ đông dự họp;
2. Phát tài liệu và phiếu biểu quyết cho cổ đông trong danh sách dự họp trước giờ khai mạc;
3. Báo cáo kết quả cho Đại hội đồng cổ đông về điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8: Ban bầu cử và Ban kiểm phiếu

Ban bầu cử và Ban kiểm phiếu được Đại hội biểu quyết tán thành. Ban bầu cử và Ban kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết, bầu cử tại Đại hội;
- Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết và bầu cử;
- Tổ chức phát phiếu, thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết; phiếu bầu cử HĐQT;
- Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết và bầu cử của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông và các vấn đề thông qua tại Đại hội, kết quả bầu cử. Công bố kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử;
- Bàn giao kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử cho Đoàn chủ tịch hoặc Thư ký Đại hội.

CHƯƠNG II

THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Điều 9: Thảo luận tại Đại hội

- Khi thảo luận các vấn đề trong chương trình Đại hội, cổ đông cần tuân thủ các quy định sau đây**:**

1. Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Đoàn chủ tịch.

2. Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào nội dung trọng tâm cần trao đổi. Ý kiến phát biểu phải phù hợp với nội dung chương trình nghị sự đã được thông qua, nội dung phát biểu không vi phạm các quy định về pháp luật, liên quan các vấn đề cá nhân hoặc vượt quá quyền hạn của doanh nghiệp.

3. Đoàn chủ tịch sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, các ý kiến đóng góp/ kiến nghị chỉ được diễn ra trong phần thảo luận của Đại hội. Trường hợp các ý kiến trùng lặp sẽ được đoàn chủ tịch chọn lọc và trả lời chung cho tất cả các cổ đông.

Đoàn chủ tịch sẽ lần lượt trả lời các ý kiến của đông hoặc chỉ định thành viên trong Ban điều hành công ty phản hồi ý kiến.

Điều 10: Biểu quyết tại Đại hội

Khi cổ đông đăng ký tham dự Đại hội sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một **THẺ BIỂU QUYẾT** và một **PHIẾU BIỂU QUYẾT**. Trên mỗi THẺ BIỂU QUYẾT và PHIẾU BIỂU QUYẾT có ghi mã số cổ đông, tên cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó, trên PHIẾU BIỂU QUYẾT có các nội dung cuộc họp cần biểu quyết.

A. Hình thức dùng **THẺ BIỂU QUYẾT:**

I. THẺ BIỂU QUYẾT dùng để thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT như: **Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội**, **Bầu Ban thư ký, Ban kiểm phiếu**, thông qua **Chương trình đại hội, Quy chế bầu cử** và thông qua **Nghị quyết của Đại hội**, tất cả các nội dung trên phải được biểu quyết công khai và trực tiếp;

1. Cổ đông sẽ giơ toàn bộ **THẺ BIỂU QUYẾT** của mình khi Chủ tọa hỏi ý kiến về các vấn đề nêu trên. Ban kiểm phiếu sẽ đếm số Thẻ biểu quyết ủng hộ trước, kế đến đếm số Thẻ biểu quyết phản đối, cuối cùng đếm số Thẻ biểu quyết không có ý kiến;

2. Mỗi cổ đông có số cổ phần biểu quyết, được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu;

3. Các nghị quyết, quyết định nêu trên chỉ có giá trị khi có từ 65% trở lên *tổng số cổ phần có quyền biểu quyết* của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ tán thành (chấp thuận).

B. Hình thức dùng **PHIẾU BIỂU QUYẾT:**

II. PHIẾU BIỂU QUYẾT dùng để thông qua các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Tập Đoàn CNT như:

1. Thông qua Báo cáo của HĐQT tại Đại hội cổ đông TN năm 2024
2. Thông qua Báo cáo tình hình SXKD năm 2023 và KH hoạt động năm 2024
3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán
4. Thông qua Báo cáo của Uỷ ban kiểm toán
5. Thông qua Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2023 và KH chi trả thù lao năm 2024
6. Tờ trình Phê duyệt mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2023 và kế hoạch trả cổ tức năm tài chính 2024.
7. Tờ trình về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023
8. Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2024
9. Thông qua Tờ trình phương án thoái vốn tại công ty liên kết.
10. Thông qua Tờ trình tiếp tục thực hiện việc chuyển niêm yết cổ phiếu Công ty từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)
11. Thông qua Tờ trình thông qua sửa đổi một số ngành nghề kinh doanh.

12. Thông qua Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ Công ty.
13. Thông qua Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
14. Thông qua Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
15. Thông qua Tờ trình thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT
16. Thông qua các nội dung khác liên quan đến thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có).

- Cổ đông đánh dấu chọn (x) vào các ô tương ứng: ***Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến*** dưới mỗi vấn đề cần biểu quyết, được in trên **PHIẾU BIỂU QUYẾT**. Ban kiểm phiếu sẽ đến từng bàn trực tiếp thu **PHIẾU BIỂU QUYẾT**, kiểm phiếu và tập hợp số phiếu biểu quyết ***Đồng ý,*** Không ***đồng ý, Không có ý kiến*** tương ứng với từng quyết định, để công bố kết quả ngay sau đó trong đại hội;

- Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu;

- Trong trường hợp có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

Điều 11: Biên bản và Nghị quyết của Đại hội

Tất cả các nội dung và ý kiến của Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội. Kết luận các nội dung được thông qua đưa vào Nghị quyết. Nghị quyết phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Nơi nhận:
- *ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;*
- *Các TV HĐQT, Ban điều hành;*
- *Lưu VT, Thư ký HĐQT.*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

THẺ BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông: .....**STT:** .....

Họ và tên người đại diện của cổ đông: .....

Số lượng cổ phần sở hữu: .....

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: ..... cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: ..... cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

PHIẾU BIỂU QUYẾT

MÃ CỔ ĐÔNG:.....

Họ và tên cổ đông:.....

Họ tên người được ủy quyền:.....

Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết:.....

(Quý cổ đông đánh dấu vào ô ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

STT	Nội dung	Đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến
01	**Nội dung 1**: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT năm 2023	☐	☐	☐
02	**Nội dung 2**: Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.	☐	☐	☐
03	**Nội dung 3**: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán	☐	☐	☐
04	**Nội dung 4**: Thông qua Báo cáo của Ủy ban kiểm toán tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023	☐	☐	☐
05	**Nội dung 5**: Thông qua Tờ trình báo cáo việc chi trả thù lao HĐQT năm 2023 và KH chi trả thù lao năm 2024	☐	☐	☐
06	**Nội dung 6**: Thông qua Tờ trình Phê duyệt mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2023 và kế hoạch trả cổ tức năm tài chính 2024.	☐	☐	☐
07	**Nội dung 7**: Thông qua Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023.	☐	☐	☐
08	**Nội dung 8**: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2024	☐	☐	☐
09	**Nội dung 9**: Thông qua Tờ trình phương án thoái vốn tại công ty liên kết.	☐	☐	☐
10	**Nội dung 10**: Thông qua Tờ trình tiếp tục thực hiện việc chuyển niêm yết cổ phiếu Công ty từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)	☐	☐	☐
11	**Nội dung 11**: Thông qua Tờ trình sửa đổi một số ngành nghề kinh doanh.	☐	☐	☐

12	**Nội dung 12**: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ Công ty.	☐	☐	☐
13	**Nội dung 13**: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.	☐	☐	☐
14	**Nội dung 14**: Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị	☐	☐	☐
15	**Nội dung 15**: Thông qua Tờ trình việc bầu bổ sung thành viên HĐQT	☐	☐	☐

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

CỔ ĐÔNG HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:
Đại biểu biểu quyết bằng cách lựa chọn **Một** trong các phương án: **Đồng ý, Không đồng ý, Không có ý kiến** cho từng nội dung biểu quyết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

PHIẾU ĐẶT CÂU HỎI/ĐÓNG GÓP Ý KIẾN

Cổ đông/đại diện ủy quyền: .....

Người đại diện ủy quyền (nếu có): .....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/GPĐKKD: .....

Câu hỏi/ý kiến: .....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT (CNT GROUP)
Địa chỉ: 9-19 (lầu 2) Hồ Tùng Mậu, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP HCM
Điện thoại: 028.3829 5488 – 028 3821 3189 – 028 3829 5604
Website: cnt.com.vn **Email:** cnt@cnt.com.vn

DỰ THẢO

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

QUY CHẾ
BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021-2026 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/202/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội khóa 14 nước CHXNCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ tình hình thực tế.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 (ĐHĐCĐ) của Công ty cổ phần Tập đoàn CNT tiến hành bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 theo các nội dung sau đây:

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này bao gồm những quy định về việc bầu bổ sung thành viên độc lập Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn CNT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Tập đoàn CNT.

Điều 2: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Theo quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CNT, và Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, thành viên độc lập HĐQT phải có các tiêu chuẩn sau đây.

- Không thuộc đối tượng cá nhân không có quyền quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn CNT;
- Là ứng cử viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu/đại diện sở hữu 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên tại thời điểm chốt danh sách cổ đông đề cử theo quy định về số lượng và trình tự Điều lệ Công ty có quy định.

Điều 3: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu và người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là cổ đông) có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn CNT do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam chốt ngày 19/03/2024.

Điều 4: Đề cử ứng viên làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị

4.1. Nhiệm kỳ của thành viên độc lập HĐQT được bầu bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2021 – 2026 của HĐQT.

4.2. Đề cử ứng viên làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4.3. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị bao gồm**:**

- 01 bản chính Đơn đề cử/Đơn ứng cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị (theo mẫu);

- 01 bản chính Sơ yếu lý lịch của ứng viên (theo mẫu)

- 01 bản sao các văn bằng chứng chỉ chuyên môn của ứng cử viên.

Chỉ các hồ sơ đề cử, ứng cử đáp ứng đầy đủ điều kiện đề cử, ứng cử và các ứng cử viên đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 2 của Quy Chế này mới được đưa vào danh sách ứng cử viên chính thức.

Điều 5: Phiếu bầu và ghi phiếu bầu

5.1. Danh sách ứng cử viên làm thành viên độc lập HĐQT được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

5.2. Phiếu bầu cử và ghi phiếu bầu:

- Phiếu bầu cử được in thống nhất, có tổng số quyền biểu quyết theo Mã cổ đông;
- Cổ đông được phát phiếu bầu theo Mã cổ đông (sở hữu và/hoặc được ủy quyền);
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban Kiểm phiếu đổi phiếu bầu cử khác;
- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu cử.

5.3. Các trường hợp phiếu bầu cử không hợp lệ:

- Phiếu không theo Mẫu quy định của CNT, không có dấu của CNT;
- Phiếu gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm tên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm quyền sở hữu và/hoặc được ủy quyền).
- Phiếu bầu cử không còn nguyên vẹn.
- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông

Điều 6: Phương thức bầu cử và nguyên tắc bầu dồn phiếu

6.1. Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu.

6.2. Quyền biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu, hoặc được ủy quyền của cổ đông. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.

6.3. Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được sử dụng một (01) Phiếu bầu bổ sung thành viên độc lập HĐQT tương ứng với số cổ phần sở hữu và/hoặc được uỷ quyền.

6.4. Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu, và/hoặc được ủy quyền) nhân với số thành viên độc lập được bầu bổ sung của HĐQT. Cụ thể như sau:

Tổng số quyền biểu quyết	**=**	**Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết**	**x**	**Số thành viên độc lập được bầu bổ sung của HĐQT**

6.5. Cổ đông có thể dồn toàn bộ tổng số quyền biểu quyết cho một (01) ứng cử viên, hoặc chia đều tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng cử viên, hoặc chỉ lấy một phần trong tổng số quyền biểu quyết để bầu cho một số ứng cử viên theo mức độ tín nhiệm, hoặc không bầu (bỏ phiếu trắng) với điều kiện tổng số quyền biểu quyết không vượt quá tổng số quyền biểu quyết cổ đông đó sở hữu và/hoặc được uỷ quyền.

Điều 7: Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1. Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua.
- Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
  - Giới thiệu nội dung, cách ghi phiếu biểu quyết, phiếu bầu.
  - Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông tại Đại hội.
  - Tổng hợp số cổ phần biểu quyết, bầu cử theo từng nội dung.
  - Thông báo kết quả cho Chủ tọa, Ban Thư ký Đại hội và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử trước Đại hội.
- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT.

7.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban Kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8: Nguyên tắc trúng cử thành viên độc lập HĐQT

8.1. Nguyên tắc trúng cử thành viên độc lập HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026 được xác định theo tỷ lệ phần trăm phiếu bầu trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền) tính từ cao xuống thấp, đảm bảo trên 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội.

8.2. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp lần 2 đối với các ứng cử viên nêu trên. Trường hợp vẫn không bầu được thành viên độc lập HĐQT thì việc bầu cử tiếp theo sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 9: Lập và công bố Biên bản Kiểm phiếu

9.1. Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản Kiểm phiếu. Nội dung Biên bản Kiểm phiếu bao gồm các nội dung chính như sau: Ban Kiểm phiếu; Danh sách đề cử; Tổng số phiếu phát ra, tổng số phiếu thu về, tổng số phiếu hợp lệ, tổng số phiếu không hợp lệ tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cả số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền); Kết quả kiểm phiếu và Danh sách trúng cử.

9.2. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 10: Quy định khác

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 11: Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm có 11 (mười một) Điều, được đọc công khai tại ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ thường niên năm 2024;
- Các TV HĐQT, Ban điều hành;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM QUỐC KHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……., ngày……tháng……năm 2024

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021-2026

***Kính gửi*: Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT**

Tôi/Chúng tôi là cổ đông/những cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT, hiện đang nắm giữ …… cổ phần (bằng chữ:……..……..), chiếm tỷ lệ: …… % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT theo danh sách dưới đây:

STT	Họ và tên	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Ký tên
1					
…					

Sau khi nghiên cứu Dự thảo quy chế ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, tôi/chúng tôi trân trọng đề cử….. ứng viên trong danh sách sau vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT nhiệm kỳ 2021-2026.

1. Ông/Bà: .....

Ngày sinh..... Nơi sinh:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại: .....Email:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: .....Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên môn:.....

2. .....

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử (áp dụng trong trường hợp nhóm cổ đông đề cử): ông/bà .....…….Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:……..……..cấp

ngày…….tại……., làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy chế bầu cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Tôi/chúng tôi xin cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐỀ CỬ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:
- Sơ yếu lí lịch do người được đề cử tự khai;
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu, các giấy tờ có liên quan của ứng viên.

Ghi chú:
- Trong trường hợp đề cử nhiều ứng viên thì ghi thứ tự tất cả thông tin của từng ứng viên đề cử.

01. Ông /Bà:.....
02. Ông/Bà:.....
03. Ông/Bà:.....
v.v.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

……., ngày……tháng……năm 2024

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2021-2026

***Kính gửi*: Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT**

Tôi tên là:.....

Ngày sinh..... Nơi sinh:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại: .....Email:.....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: .....Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên môn:.....

Số cổ phần sở hữu đến thời điểm hiện tại:……cổ phần (bằng chữ: ……..……....), tương ứng với …….% vốn điều lệ Công ty.

Sau khi nghiên cứu và xét thấy bản thân đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT, tôi làm đơn này đề nghị được tham gia ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2024.

Xin trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ỨNG CỬ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lí lịch do ứng viên tự khai;
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu, các giấy tờ có liên quan của ứng viên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Quốc tịch:
5. Dân tộc:
6. Quê quán:
7. Địa chỉ thường trú:
8. Số điện thoại liên lạc: Email:
9. Số CMND/Căn cước CD: nơi cấp: ngày cấp:
10. Trình độ văn hoá:
11. Trình độ chuyên môn:
12. Chức vụ hiện nay tại CTCP Tập đoàn CNT (CNT):
13. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ

14. Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

15. Hành vi vi phạm pháp luật:
16. Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty:
17. Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân tại Công ty:

- Sở hữu cá nhân:
- Sở hữu đại diện cho Công ty:

18. Các khoản nợ đối với Công ty:
19. Những người có liên quan và cổ phần nắm giữ: cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ (chồng), con, anh chị em ruột.

Mối quan hệ	**Họ và tên**	**Năm sinh**	**Số Giấy CMND/ Hộ chiếu**	**Ngày cấp**	**Nơi cấp**	**Địa chỉ thường trú**	**Số cổ phần của Công ty nắm giữ**	**Tài khoản ĐKLKCK**

20. Lợi ích có liên quan tới CNT và các bên có liên quan của CNT:
21. Ứng cử viên thừa nhận, đồng ý và cam kết rằng:

a. Các thông tin được cung cấp, xác nhận trên đây đầy đủ, chính xác và trung thực. CNT được toàn quyền sử dụng các thông tin được cung cấp, xác nhận trên đây nhằm mục đích cho việc bầu cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị của CNT và nhằm mục đích thực hiện công bố thông tin trên trang điện tử của CNT và/hoặc để thực hiện công bố thông tin trong trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b. Không vi phạm các quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của CNT và các quy định của pháp luật hiện hành.

c. Thực hiện nhiệm vụ một các trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của CNT nếu được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

d. Ứng cử viên hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có thông tin sai lệch, thiếu sót và/hoặc chậm trễ, không cập nhật thông tin cho CNT.

..... , ngày.....tháng.....năm 2024

Người khai

CNT GROUP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MÃ CỔ ĐÔNG:.....

Họ và tên cổ đông: .....

Số lượng cổ phần sở hữu/được ủy quyền: .....cổ phiếu

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu đợt này: 01 thành viên

Tổng số phiếu biểu quyết (*):.....

(*) Tổng số phiếu biểu quyết = số cổ phần có quyền biểu quyết (ví dụ là 1000 CP) x tổng số thành viên HĐQT bầu đợt này (là 1) = 1000 x 1 = 1000 phiếu biểu quyết.

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu biểu quyết (Chọn 1 trong 2 cách dưới đây)	
		Chia đều tổng số phiếu cho các ứng viên được chọn (đánh dấu **X** vào cột dưới đây cho các ứng viên được chọn)	Bầu dồn phiếu cho 1 hoặc vài ứng viên (ghi rõ số phiếu bầu cho từng ứng viên được chọn)
1			
2			
.....			

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

CỔ ĐÔNG HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

Cổ đông/đại diện cổ đông chọn ứng viên muốn bầu trong danh sách ứng viên. Trường hợp viết sai họ tên ứng viên hoặc số phiếu bầu hoặc gạch, xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định vui lòng liên hệ Ban Kiểm phiếu để nhận Phiếu bầu cử mới và nộp lại Phiếu bầu cử.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-ĐHĐCĐ

TP. HCM, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN CNT

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT ngày 23/04/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn CNT về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

Điều 2: Thông qua báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 với một số chỉ tiêu chính như sau;

2.1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2023:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	% TH/KH
1	Giá trị doanh thu thuần	358	364	103%
2	Lợi nhuận trước thuế	184	253	137,5%
3	Lợi nhuận sau thuế	152	214	141%

2.2. Kế hoạch SXKD năm 2024:

STT	CÁC CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH
1	Giá trị doanh thu thuần	240 tỷ đồng
2	Lợi nhuận trước thuế	145 tỷ đồng
3	Lợi nhuận sau thuế	118 tỷ đồng

Điều 3: Thông qua báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán.

Điều 4: Thông qua báo cáo của Ủy ban kiểm toán về kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024.

Điều 5: Thông qua Tờ trình Phê duyệt mức phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2023 và kế hoạch trả cổ tức năm tài chính 2024.

Điều 6: Thông qua Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023.

Điều 7: Thông qua Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho BCTC năm 2024

Điều 8: Thông qua Tờ trình phương án thoái vốn tại công ty liên kết.

Điều 9: Thông qua Tờ trình tiếp tục thực hiện việc chuyển niêm yết cổ phiếu Công ty từ sàn giao dịch UPCOM (HNX) sang niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)

Điều 10: Thông qua Tờ trình v/v sửa đổi một số ngành nghề kinh doanh.

Bỏ một số ngành nghề theo mã: …….

Điều 11: Thông qua Tờ trình v/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ Công ty.

Điều 12: Thông qua Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 13: Tờ trình thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Điều 14: Thông qua kết quả bầu bổ sung thành viên HĐQT độc lập cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2026:

Ông/bà:…….. – Thành viên HĐQT độc lập.

Điều 15: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 16: Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho Hội đồng quản trị, Ban Điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

PHẠM QUỐC KHÁNH